

Số: 1861 /QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 23 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ
trong hệ thống cơ quan hành chính Nhà nước áp dụng
trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh năm 2025**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

*Căn cứ Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về
Chương trình cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt
động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026;*

*Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính
phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong
hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025;*

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh Bắc Ninh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua phương án đơn giản hóa 215 thủ tục hành chính (TTHC) nội bộ trong hệ thống cơ quan hành chính nhà nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh. Cụ thể:

- TTHC thuộc chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 19;
- TTHC thuộc chức năng quản lý của Sở Y tế: 04;
- TTHC thuộc chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo: 41;
- TTHC thuộc chức năng quản lý của Sở Tư pháp: 03;
- TTHC thuộc chức năng quản lý của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 43;
- TTHC thuộc chức năng quản lý của Sở Tài chính: 69;
- TTHC thuộc chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ: 05;
- TTHC thuộc chức năng quản lý của Sở Nội vụ: 19;
- TTHC thuộc chức năng quản lý của Sở Xây dựng: 12.

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan:

- Ban hành/tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành văn bản thực thi phương án đơn giản hoá thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh đối với TTHC thuộc phạm vi, chức năng quản lý được phê duyệt phương án đơn giản hóa tại Phụ lục kèm theo Quyết định này **trước 31/12/2025**.

- Tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành văn bản thực thi phương án đơn giản hoá không thuộc thẩm quyền xử lý sau khi được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thông qua.

2. Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Phục vụ hành chính công) kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện các nội dung tại Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh; UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KS TTHC - VPCP (đề b/c);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các Bộ: NN&PTNT, Y tế, GD&ĐT, Tư pháp, VH, TT&DL, Tài chính, KH&CN, Nội vụ, Xây dựng;
- VP UBND tỉnh: CVP, Phó CVP, các phòng chuyên môn;
- Lưu: VT, TTPVHCC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Mai Sơn

Phụ lục

PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ TRONG HỆ THỐNG CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TỈNH BẮC NINH

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1861/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm
2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh*

1. Thủ tục hành chính nội bộ thuộc chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường

A. Thủ tục hành chính nội bộ cấp tỉnh

1. Công bố dịch hại thực vật thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1.1. Nội dung đơn giản hóa

Bổ sung quy định về số lượng thành phần hồ sơ và thời hạn giải quyết.

Lý do: Do chưa được quy định tại Điều 4, 5 Nghị định số 116/2014/NĐ-CP ngày 04/12/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ và kiểm dịch thực vật. Việc quy định cụ thể số lượng thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết giúp cho việc thực hiện TTHC được thống nhất, công khai, minh bạch. Tạo điều kiện cho các cơ quan hành chính nhà nước trong việc chuẩn bị, lập hồ sơ TTHC, theo dõi tiến độ giải quyết TTHC.

1.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị sửa đổi, bổ sung Điều 4, 5 Nghị định số 116/2014/NĐ-CP ngày 04/12/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ và kiểm dịch thực vật. Quy định về số lượng hồ sơ và thời hạn giải quyết hồ sơ.

- Lộ trình thực hiện: Theo đề xuất của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Công khai minh bạch các quy định nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan hành chính nhà nước khi thực hiện nhiệm vụ.

- Nâng cao trách nhiệm của các cơ quan trong quá trình thực hiện, tránh tình trạng xử lý hồ sơ kéo dài.

2. Công bố hết dịch hại thực vật thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

2.1. Nội dung đơn giản hóa

Bổ sung quy định về số lượng thành phần hồ sơ và thời hạn giải quyết.

Lý do: Do chưa được quy định tại Điều 6 Nghị định số 116/2014/NĐ-CP ngày 04/12/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ và

kiểm dịch thực vật. Việc quy định cụ thể số lượng thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết giúp cho việc thực hiện TTHC được thống nhất, công khai, minh bạch. Tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong việc chuẩn bị, lập hồ sơ TTHC, theo dõi tiến độ giải quyết TTHC. Giúp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ, bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ thuận lợi trong việc kiểm soát hồ sơ, đảm bảo đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định.

2.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị sửa đổi, bổ sung Điều 6 Nghị định số 116/2014/NĐ-CP ngày 04/12/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ và kiểm dịch thực vật. Quy định về số lượng hồ sơ và thời hạn giải quyết hồ sơ.

- Lộ trình thực hiện: Theo đề xuất của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Công khai minh bạch các quy định nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan hành chính nhà nước khi thực hiện nhiệm vụ.

- Nâng cao trách nhiệm của các cơ quan trong quá trình thực hiện, tránh tình trạng xử lý hồ sơ kéo dài.

3. Thủ tục: Công bố dịch bệnh động vật trên cạn khi dịch bệnh động vật xảy ra trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên

3.1. Nội dung đơn giản hóa

Bổ sung quy định về thành phần hồ sơ; số lượng hồ sơ; thời hạn giải quyết; mẫu đơn mẫu tờ khai.

Lý do: Do chưa được quy định tại Điều 26 Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội về Thú y. Việc quy định cụ thể thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết giúp cho việc thực hiện TTHC được thống nhất, công khai, minh bạch. Tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong việc chuẩn bị, lập hồ sơ TTHC, theo dõi tiến độ giải quyết TTHC. Giúp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ, bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ thuận lợi trong việc kiểm soát hồ sơ, đảm bảo đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định.

3.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị sửa đổi, bổ sung Điều 26 Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội về Thú y. Quy định về thành phần, số lượng hồ sơ và thời hạn giải quyết hồ sơ.

- Lộ trình thực hiện: Theo đề xuất của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Công khai minh bạch các quy định nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan hành chính nhà nước khi thực hiện nhiệm vụ.

- Nâng cao trách nhiệm của các cơ quan trong quá trình thực hiện, tránh tình trạng xử lý hồ sơ kéo dài.

4. Công bố hết dịch bệnh động vật trên cạn khi dịch bệnh động vật xảy ra trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên

4.1. Nội dung đơn giản hóa

Bổ sung quy định về số lượng thành phần hồ sơ; mẫu đơn mẫu tờ khai; thời hạn giải quyết

Lý do: Do chưa được quy định tại Điều 31 Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội về Thú y. Việc quy định cụ thể số lượng thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết; mẫu đơn mẫu tờ khai giúp cho việc thực hiện TTHC được thống nhất, công khai, minh bạch. Tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong việc chuẩn bị, lập hồ sơ TTHC, theo dõi tiến độ giải quyết TTHC. Giúp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ, bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ thuận lợi trong việc kiểm soát hồ sơ, đảm bảo đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định.

4.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị sửa đổi, bổ sung Điều 31 Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội về Thú y. Quy định về thời hạn giải quyết hồ sơ; số lượng hồ sơ; mẫu đơn mẫu tờ khai.

- Lộ trình thực hiện: Theo đề xuất của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Công khai minh bạch các quy định nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan hành chính nhà nước khi thực hiện nhiệm vụ.

- Nâng cao trách nhiệm của các cơ quan trong quá trình thực hiện, tránh tình trạng xử lý hồ sơ kéo dài.

5. Lập kế hoạch, đề án phát triển vùng sản xuất hàng hóa tập trung

5.1. Nội dung đơn giản hóa

Bổ sung quy định về cách thức thực hiện; thành phần hồ sơ; số lượng thành phần hồ sơ; thời hạn giải quyết; mẫu đơn mẫu tờ khai, đối tượng thực hiện TTHC.

Lý do: Do chưa được quy định cụ thể tại Điều 62 Luật Trồng trọt năm 2018. Việc quy định cụ thể cách thức thực hiện; thành phần hồ sơ; số lượng thành phần hồ sơ; thời hạn giải quyết; mẫu đơn mẫu tờ khai, đối tượng thực hiện TTHC giúp cho việc thực hiện TTHC được thống nhất, công khai, minh bạch. Tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong việc chuẩn bị, lập hồ sơ TTHC, theo dõi tiến độ giải quyết TTHC. Giúp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ, bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ thuận lợi trong việc kiểm soát hồ sơ, đảm bảo đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định.

5.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị sửa đổi, bổ sung Điều 62 Luật Trồng trọt năm 2018 quy định về cách thức thực hiện; thành phần hồ sơ; số lượng thành phần hồ sơ; thời hạn giải quyết; mẫu đơn mẫu tờ khai, đối tượng thực hiện TTHC.

- Lộ trình thực hiện: Theo đề xuất của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

5.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Công khai minh bạch các quy định nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan hành chính nhà nước khi thực hiện nhiệm vụ.

- Nâng cao trách nhiệm của các cơ quan trong quá trình thực hiện, tránh tình trạng xử lý hồ sơ kéo dài.

6. Xác định, công bố vùng sản xuất trên vùng đất dốc, đất trũng, đất phèn, đất mặn, đất cát ven biển và đất có nguy cơ sa mạc hóa, hoang mạc hóa

6.1. Nội dung đơn giản hóa

Bổ sung quy định về cách thức thực hiện; thành phần hồ sơ; số lượng thành phần hồ sơ; thời hạn giải quyết; mẫu đơn mẫu tờ khai, đối tượng thực hiện TTHC.

Lý do: Do chưa được quy định cụ thể tại Điều 71 Luật Trồng trọt năm 2018. Việc quy định cụ thể cách thức thực hiện; thành phần hồ sơ; số lượng thành phần hồ sơ; thời hạn giải quyết; mẫu đơn mẫu tờ khai, đối tượng thực hiện TTHC giúp cho việc thực hiện TTHC được thống nhất, công khai, minh bạch. Tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong việc chuẩn bị, lập hồ sơ TTHC, theo dõi tiến độ giải quyết TTHC. Giúp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ, bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ thuận lợi trong việc kiểm soát hồ sơ, đảm bảo đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định.

6.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị sửa đổi, bổ sung Điều 71 Luật Trồng trọt năm 2018 quy định về cách thức thực hiện; thành phần hồ sơ; số lượng thành phần hồ sơ; thời hạn giải quyết; mẫu đơn mẫu tờ khai, đối tượng thực hiện TTHC.

- Lộ trình thực hiện: Theo đề xuất của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

6.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Công khai minh bạch các quy định nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan hành chính nhà nước khi thực hiện nhiệm vụ.

- Nâng cao trách nhiệm của các cơ quan trong quá trình thực hiện, tránh tình trạng xử lý hồ sơ kéo dài.

7. Khoanh định, công bố khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ

7.1. Nội dung đơn giản hóa

*** Cách thức thực hiện**

Thực hiện trên môi trường điện tử thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh.

* Thời gian thực hiện: Theo quy định là 40 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ (không bao gồm thời gian công bố kết quả khoáng định).

Giảm từ 40 ngày xuống còn 18 ngày.

7.2. Kiến nghị thực thi

- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;
- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;
- Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước.

- Lộ trình thực hiện: Theo đề xuất của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

7.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giúp cắt giảm quy trình giải quyết TTHC; giảm thời gian thực hiện.

8. Khoanh định, phê duyệt, điều chỉnh khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản

8.1. Nội dung đơn giản hóa

*** Cách thức thực hiện**

Thực hiện trên môi trường điện tử thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh.

* Thời gian thực hiện: Theo quy định là 35 ngày.

Giảm từ 35 ngày xuống còn 24 ngày.

8.2. Kiến nghị thực thi

- Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29/11/2024;
- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;
- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

- Lộ trình thực hiện: Theo đề xuất của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

8.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giúp cắt giảm quy trình giải quyết TTHC; giảm thời gian thực hiện.

9. Thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản

9.1. Nội dung đơn giản hóa

* Cách thức thực hiện

Thực hiện trên môi trường điện tử thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh.

* Thời gian thực hiện: Theo quy định là 72 ngày.

Giảm từ 72 ngày xuống còn 50 ngày.

9.2. Kiến nghị thực thi

- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;
- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;
- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;
- Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản.
- Lộ trình thực hiện: Theo đề xuất của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

9.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giúp cắt giảm quy trình giải quyết TTHC; giảm thời gian thực hiện.

10. Thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản

10.1. Nội dung đơn giản hóa

* Cách thức thực hiện

Thực hiện trên môi trường điện tử thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh.

* Thời gian thực hiện: Theo quy định là 72 ngày.

Giảm từ 72 ngày xuống còn 50 ngày.

10.2. Kiến nghị thực thi

- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;
- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;
- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;
- Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản.

- Lộ trình thực hiện: Theo đề xuất của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

10.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giúp cắt giảm quy trình giải quyết TTHC; giảm thời gian thực hiện.

11. Thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản

11.1. Nội dung đơn giản hóa

* Cách thức thực hiện

Thực hiện trên môi trường điện tử thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh.

* Thời gian thực hiện: Theo quy định là 42 ngày.

Giảm từ 42 ngày xuống còn 29 ngày.

11.2. Kiến nghị thực thi

- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;

- Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản.

- Lộ trình thực hiện: Theo đề xuất của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

11.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giúp cắt giảm quy trình giải quyết TTHC; giảm thời gian thực hiện.

12. Lập, phê duyệt, công khai kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản

12.1. Nội dung đơn giản hóa

* Cách thức thực hiện

Thực hiện trên môi trường điện tử thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh.

* Thời gian thực hiện: Theo quy định là 15 ngày.

Giảm từ 15 ngày xuống còn 10 ngày.

12.2. Kiến nghị thực thi

- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

- Lộ trình thực hiện: Theo đề xuất của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

12.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giúp cắt giảm quy trình giải quyết TTHC; giảm thời gian thực hiện.

13. Thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV

13.1. Nội dung đơn giản hóa

* Cách thức thực hiện

Thực hiện trên môi trường điện tử thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh.

* Thời gian thực hiện: Theo quy định là 42 ngày.

Giảm từ 42 ngày xuống còn 29 ngày.

13.2. Kiến nghị thực thi

- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;

- Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản.

- Lộ trình thực hiện: Theo đề xuất của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

13.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giúp cắt giảm quy trình giải quyết TTHC; giảm thời gian thực hiện.

14. Thu hồi giấy phép khai thác tận thu khoáng sản

14.1. Nội dung đơn giản hóa

* Cách thức thực hiện

Thực hiện trên môi trường điện tử thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh.

* Thời gian thực hiện: Theo quy định là 62 ngày.

Giảm từ 62 ngày xuống còn 43 ngày.

14.2. Kiến nghị thực thi

- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;
- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;
- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;
- Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản.
- Lộ trình thực hiện: Theo đề xuất của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

14.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giúp cắt giảm quy trình giải quyết TTHC; giảm thời gian thực hiện.

15. Ban hành kế hoạch xử lý, cải tạo và phục hồi ô nhiễm môi trường đất đặc biệt nghiêm trọng thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 15 của Luật Bảo vệ môi trường quy định tại điểm c khoản 1 Điều 19 Luật Bảo vệ môi trường và khoản 1 Điều 18 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

15.1. Nội dung đơn giản hóa

Bổ sung quy định về số lượng thành phần hồ sơ và thời hạn giải quyết.

Lý do: Do chưa được quy định tại Khoản 1 Điều 18 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Việc quy định cụ thể số lượng thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết giúp cho việc thực hiện TTHC được thống nhất, công khai, minh bạch. Tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong việc chuẩn bị, lập hồ sơ TTHC, theo dõi tiến độ giải quyết TTHC. Giúp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ, bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ thuận lợi trong việc kiểm soát hồ sơ, đảm bảo đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định.

15.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 18 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Quy định về số lượng hồ sơ và thời hạn giải quyết hồ sơ.

- Lộ trình thực hiện: Theo đề xuất của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

15.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Công khai minh bạch các quy định nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan hành chính nhà nước khi thực hiện nhiệm vụ.
- Nâng cao trách nhiệm của các cơ quan trong quá trình thực hiện, tránh tình trạng xử lý hồ sơ kéo dài.

16. Thủ tục Xây dựng kế hoạch xử lý, cải tạo và phục hồi ô nhiễm môi trường đất đặc biệt nghiêm trọng thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 15 của Luật Bảo vệ môi trường quy định tại điểm b khoản 1 Điều 19 Luật Bảo vệ môi trường và khoản 1 Điều 18 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

16.1. Nội dung đơn giản hóa

Bổ sung quy định về số lượng thành phần hồ sơ và thời hạn giải quyết.

Lý do: Do chưa được quy định tại Khoản 1 Điều 18 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Việc quy định cụ thể số lượng thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết giúp cho việc thực hiện TTHC được thống nhất, công khai, minh bạch. Tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong việc chuẩn bị, lập hồ sơ TTHC, theo dõi tiến độ giải quyết TTHC. Giúp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ, bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ thuận lợi trong việc kiểm soát hồ sơ, đảm bảo đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định.

16.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 18 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Quy định về số lượng hồ sơ và thời hạn giải quyết hồ sơ.

- Lộ trình thực hiện: Theo đề xuất của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

16.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Công khai minh bạch các quy định nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan hành chính nhà nước khi thực hiện nhiệm vụ.

- Nâng cao trách nhiệm của các cơ quan trong quá trình thực hiện, tránh tình trạng xử lý hồ sơ kéo dài.

B. Thủ tục hành chính nội bộ cấp xã

1. Công bố sự cố môi trường theo quy định tại khoản 2 Điều 125 Luật Bảo vệ môi trường

1.1. Nội dung đơn giản hóa

Bổ sung quy định về số lượng thành phần hồ sơ và thời hạn giải quyết.

Lý do: Do chưa được quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ. Việc quy định cụ thể số lượng thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết giúp cho việc thực hiện TTHC được thống nhất, công khai, minh bạch. Tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong việc chuẩn bị, lập hồ sơ TTHC, theo dõi tiến độ giải quyết TTHC. Giúp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ, bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ thuận lợi trong việc kiểm soát hồ sơ, đảm bảo đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định.

1.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị sửa đổi, bổ sung Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Quy định về số lượng hồ sơ và thời hạn giải quyết hồ sơ.

- Lộ trình thực hiện: Theo đề xuất của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Công khai minh bạch các quy định nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan hành chính nhà nước khi thực hiện nhiệm vụ.

- Nâng cao trách nhiệm của các cơ quan trong quá trình thực hiện, tránh tình trạng xử lý hồ sơ kéo dài.

2. Thủ tục Ban hành kế hoạch phục hồi môi trường theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường

2.1. Nội dung đơn giản hóa

Bổ sung quy định về số lượng thành phần hồ sơ và thời hạn giải quyết.

Lý do: Do chưa được quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ. Việc quy định cụ thể số lượng thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết giúp cho việc thực hiện TTHC được thống nhất, công khai, minh bạch. Tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong việc chuẩn bị, lập hồ sơ TTHC, theo dõi tiến độ giải quyết TTHC. Giúp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ, bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ thuận lợi trong việc kiểm soát hồ sơ, đảm bảo đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định.

2.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị sửa đổi, bổ sung Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Quy định về số lượng hồ sơ và thời hạn giải quyết hồ sơ.

- Lộ trình thực hiện: Theo đề xuất của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

16.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Công khai minh bạch các quy định nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan hành chính nhà nước khi thực hiện nhiệm vụ.

- Nâng cao trách nhiệm của các cơ quan trong quá trình thực hiện, tránh tình trạng xử lý hồ sơ kéo dài.

3. Ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên địa bàn xã

3.1. Nội dung đơn giản hóa

Bổ sung quy định về cách thức thực hiện; thành phần hồ sơ; số lượng thành phần hồ sơ; thời hạn giải quyết; mẫu đơn mẫu tờ khai.

Lý do: Do chưa được quy định cụ thể khoản 3 Điều 7 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP của Chính phủ ngày 11/9/2024 quy định chi tiết về đất trồng lúa.

Việc quy định cụ thể cách thức thực hiện; thành phần hồ sơ; số lượng thành phần hồ sơ; thời hạn giải quyết; mẫu đơn mẫu tờ khai giúp cho việc thực hiện TTHC được thống nhất, công khai, minh bạch. Tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong việc chuẩn bị, lập hồ sơ TTHC, theo dõi tiến độ giải quyết TTHC. Giúp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ, bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ thuận lợi trong việc kiểm soát hồ sơ, đảm bảo đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định.

3.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 7 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP của Chính phủ ngày 11/9/2024 quy định về cách thức thực hiện; thành phần hồ sơ; số lượng thành phần hồ sơ; thời hạn giải quyết; mẫu đơn mẫu tờ khai.

- Lộ trình thực hiện: Theo đề xuất của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

16.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Công khai minh bạch các quy định nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan hành chính nhà nước khi thực hiện nhiệm vụ.

- Nâng cao trách nhiệm của các cơ quan trong quá trình thực hiện, tránh tình trạng xử lý hồ sơ kéo dài.

II. Thủ tục hành chính thuộc chức năng quản lý của Sở Y tế

1. Thủ tục: công bố dịch bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A

1.1. Nội dung đơn giản hóa

a. Về thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ: Bộ Y tế không quy định.

- Thành phần hồ sơ:

Bắc Ninh đề xuất thành phần hồ sơ gồm:

+ Phiếu trả lời kết quả xét nghiệm (Bản điện tử/Scan từ hệ thống LIS).

+ Báo cáo điều tra dịch tễ (File mềm trên hệ thống giám sát).

+ Tờ trình và Công văn đề nghị (Bản ký số).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Lý do:

- Tiết kiệm chi phí in ấn, chuyển phát.

- Phù hợp với Đề án 06 và quy định về văn bản điện tử, bệnh án điện tử.

b) Về thời gian thực hiện.

- Bộ Y tế: (60 giờ)
- Bắc Ninh đề xuất (30 giờ)

Lý do:

- Ứng dụng chữ ký số và luồng văn bản khẩn giúp lãnh đạo tỉnh, lãnh đạo Sở nhận được tờ trình ngay lập tức, dù đang đi công tác hay ngoài giờ hành chính.

1.2. Kiến nghị thực thi:

- Nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ:

Sửa đổi bổ sung Điều 3.Trình tự công bố dịch bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A tại Quyết định số 02/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Quy định điều kiện công bố dịch, công bố hết dịch bệnh truyền nhiễm

- Lộ trình thực hiện: 01/4/2026

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí thực hiện TTHC NB trước khi đơn giản hóa: 2.700.000 đồng/1 hồ sơ
- Chi phí thực hiện TTHC NB sau khi đơn giản hóa: 1.350.000 đồng/1 hồ sơ.
- Chi phí tiết kiệm: 1.350.000 đồng/1 hồ sơ.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 50 %.

2. Thủ tục: Công bố dịch bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm B, C

2.1. Nội dung đơn giản hóa

a. Trình tự thực hiện.

- Trước đơn giản hóa quy định: Ngay khi có thông tin, Sở Y tế tổ chức điều tra xác minh dịch. (Quy định này khiến Sở Y tế bị quá tải và chồng chéo chức năng với đơn vị chuyên môn)

- Bắc Ninh đề xuất:

Phân cấp: Giao quyền trực tiếp cho Trạm Y tế thực hiện điều tra ngay khi phát hiện ca bệnh.

Lý do:

- Phát huy vai trò chủ động của cấp cơ sở
- Loại bỏ độ trễ do chờ đợi chỉ đạo hành chính.

b. Về thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ: Bộ Y tế không quy định.

- Thành phần hồ sơ:

Bắc Ninh đề xuất thành phần hồ sơ gồm:

+ Biểu đồ diễn biến dịch (Trích xuất tự động từ phần mềm).

+Tờ trình và Công văn đề nghị (Bản ký số).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Lý do:

- Tiết kiệm chi phí in ấn, chuyển phát.

- Phù hợp với Đề án 06 và quy định về văn bản điện tử, bệnh án điện tử.

c. Về thời gian thực hiện.

- Bộ Y tế: (48 giờ)

- Bắc Ninh đề xuất (24 giờ)

Lý do:

- Tận dụng dữ liệu có sẵn để tạo báo cáo tự động.

- Ứng dụng chữ ký số và luồng văn bản khẩn giúp lãnh đạo tỉnh nhận được tờ trình ngay lập tức, dù đang đi công tác hay ngoài giờ hành chính.

2.2. Kiến nghị thực thi:

- Nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ:

Sửa đổi bổ sung Điều 4. Trình tự công bố dịch bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm B, nhóm C tại Quyết định số 02/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Quy định điều kiện công bố dịch, công bố hết dịch bệnh truyền nhiễm.

- Lộ trình thực hiện: 01/4/2026

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí thực hiện TTHC NB trước khi đơn giản hóa: 2.160.000 đồng/hồ sơ

- Chi phí thực hiện TTHC NB sau khi đơn giản hóa: 1.080.000 đồng/hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: 1.080.000 đồng/hồ sơ.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 50 %.

3. Thủ tục: Thủ tục công bố hết dịch

3.1. Nội dung đơn giản hóa

a. Về thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ: Bộ Y tế không quy định.

- Thành phần hồ sơ:

Bắc Ninh đề xuất thành phần hồ sơ gồm:

- Tờ trình (bản ký số).
- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Lý do:

- Tiết kiệm chi phí in ấn, chuyên phát.
- Phù hợp với Đề án 06 và quy định về văn bản điện tử, bệnh án điện tử.

b. Về thời gian thực hiện.

- Bộ Y tế: (không quy định)
- Bắc Ninh đề xuất (12 giờ)

Lý do:

- Quy định rõ thời gian công bố hết dịch bệnh để doanh nghiệp và người dân quay lại sản xuất sớm
- Ứng dụng chữ ký số và luồng văn bản khả năng giúp lãnh đạo tỉnh nhận được tờ trình ngay lập tức, dù đang đi công tác hay ngoài giờ hành chính.

3.2. Kiến nghị thực thi:

- Nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ:

Sửa đổi bổ sung Điều 5. Điều kiện, trình tự công bố hết dịch bệnh truyền nhiễm tại Quyết định số 02/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Quy định điều kiện công bố dịch, công bố hết dịch bệnh truyền nhiễm.

- Lộ trình thực hiện: 01/4/2026

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

Khi công dân, doanh nghiệp biết được thời gian cụ thể hết dịch bệnh sẽ chủ động các hoạt động sản xuất, kinh doanh mang lại nhiều lợi ích về kinh tế và xã hội.

4. Thủ tục: Phê duyệt tiêu chuẩn, định mức sử dụng trang thiết bị Y tế chuyên dùng

4.1. Nội dung đơn giản hóa

a. Về cách thức thực hiện.

- Trước đơn giản hóa quy định: nộp hồ sơ trực tiếp.
- Bắc Ninh đề xuất: nộp hồ sơ trực tuyến.

Lý do:

Ứng dụng văn bản điện tử, bệnh án điện tử trong giải quyết công việc.

b. Về thành phần hồ sơ,

- Thành phần hồ sơ:

Trước đơn giản hóa quy định thành phần hồ sơ có: Văn bản phê duyệt phạm vi hoạt động chuyên môn.

Bắc Ninh đề xuất Bãi bỏ: Văn bản phê duyệt phạm vi hoạt động chuyên môn.

- Số lượng hồ sơ: Bộ Y tế không quy định.

Bắc Ninh đề xuất:

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Lý do:

Sở Y tế tự tra cứu trên Hệ thống quản lý hồ sơ đơn vị sự nghiệp

4.2. Kiến nghị thực thi:

- Nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ:

Sửa đổi bổ sung điểm d, khoản 1, Điều 6. Lập, phê duyệt và điều chỉnh tiêu chuẩn định mức sử dụng trang thiết bị y tế chuyên dùng tại Thông tư số 08/2019/TT-BYT của Bộ Y tế hướng dẫn tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế.

- Lộ trình thực hiện: 01/4/2026

4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí thực hiện TTHC NB trước khi đơn giản hóa: 3 giờ đi lại nộp hồ sơ trực tiếp x 45.000 = 135.000/ 01 hồ sơ

- Chi phí thực hiện TTHC NB sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/1 hồ sơ (làm trực tuyến)

- Chi phí tiết kiệm: 135.000 đồng/1 hồ sơ

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100 %.

III. Thủ tục hành chính thuộc chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo

A. Thủ tục hành chính thực hiện cấp tỉnh

1. Thành lập trường phổ thông dân tộc nội trú

1.1. Nội dung đơn giản hoá

a) Về cách thức thực hiện: Đề nghị bổ sung quy định cụ thể các hình thức thực hiện để xác định rõ ràng các cách thức thực hiện, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân và quy định hiện hành về tiếp nhận, giải quyết TTHC.

Lý do: Thủ tục hiện thời quy định cụ thể về cách thức thực hiện dẫn tới việc hiểu, vận dụng, thực hiện khó khăn, không rõ ràng, gây khó cho tổ chức, cá nhân.

b) Về thời gian thực hiện: Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC từ 15 ngày làm việc xuống còn 10 ngày làm việc.

Lý do: Việc cắt giảm thời gian giải quyết sẽ giảm bớt gánh nặng chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân liên quan trực tiếp, giảm bớt chi phí, thời gian làm việc cho cơ quan quản lý nhà nước có liên quan, đồng thời tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân nhanh chóng, kịp thời thực hiện các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ.

1.2. Kiến nghị thực thi:

- Về cách thức thực hiện: Ứa đổi điểm a, khoản 3 Điều 40 Phụ lục I Nghị định số 142/2025/NĐ-CP;

- Về thời gian thực hiện: Sửa đổi điểm b, khoản 2 Điều 40 Phụ lục I Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 8,697,411.00 đồng/TTHC.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 5,979,770.06 đồng/TTHC.

- Chi phí tiết kiệm: 2,717,640.94 đồng/TTHC.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 31,25%.

2. Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú hoạt động giáo dục (Đối với trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học phổ thông)

2.1. Nội dung đơn giản hoá

Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC từ 25 ngày làm việc xuống còn 15 ngày làm việc.

Lý do: Việc cắt giảm thời gian giải quyết sẽ giảm bớt gánh nặng chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân liên quan trực tiếp, giảm bớt chi phí, thời gian làm việc cho cơ quan quản lý nhà nước có liên quan, đồng thời tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân nhanh chóng, kịp thời thực hiện các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ.

2.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi điểm c và d, khoản 3 Điều 41 Phụ lục I Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 9,883,421.59 đồng/TTHC.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 5,930,052.96 đồng/TTHC.

- Chi phí tiết kiệm: 3,953,368.64 đồng/TTHC.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 40,00%.

3. Sáp nhập, chia, tách trường phổ thông dân tộc nội trú

3.1. Nội dung đơn giản hoá

a) Về cách thức thực hiện: Đề nghị bổ sung quy định cụ thể các hình thức thực hiện để xác định rõ ràng các cách thức thực hiện, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân và quy định hiện hành về tiếp nhận, giải quyết TTHC.

Lý do: Thủ tục hiện thời quy định cụ thể về cách thức thực hiện dẫn tới việc hiểu, vận dụng, thực hiện khó khăn, không rõ ràng, gây khó cho tổ chức, cá nhân.

b) Về thời gian thực hiện: Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC từ 20 ngày làm việc xuống còn 13 ngày làm việc.

Lý do: Việc cắt giảm thời gian giải quyết sẽ giảm bớt gánh nặng chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân liên quan trực tiếp, giảm bớt chi phí, thời gian làm việc cho cơ quan quản lý nhà nước có liên quan, đồng thời tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân nhanh chóng, kịp thời thực hiện các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ.

3.2. Kiến nghị thực thi:

- Về cách thức thực hiện: Sửa đổi điểm c, khoản 2 Điều 42 Phụ lục I Nghị định số 142/2025/NĐ-CP;

- Về thời gian thực hiện: Sửa đổi điểm c, khoản 2 Điều 42 Phụ lục I Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Theo đề xuất của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

16.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Công khai minh bạch các quy định nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan hành chính nhà nước khi thực hiện nhiệm vụ.

- Nâng cao trách nhiệm của các cơ quan trong quá trình thực hiện, tránh tình trạng xử lý hồ sơ kéo dài.

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 10.674.095,32 đồng/TTHC.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 7.165.780,66 đồng/TTHC.

- Chi phí tiết kiệm: 3.508.314,67 đồng/TTHC.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 32,87%.

4. Giải thể trường phổ thông dân tộc nội trú

4.1. Nội dung đơn giản hoá

a) Về cách thức thực hiện: Đề nghị bổ sung quy định cụ thể các hình thức thực hiện để xác định rõ ràng các cách thức thực hiện, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân và quy định hiện hành về tiếp nhận, giải quyết TTHC.

Lý do: Thủ tục hiện thời quy định cụ thể về cách thức thực hiện dẫn tới việc hiểu, vận dụng, thực hiện khó khăn, không rõ ràng, gây khó cho tổ chức, cá nhân.

b) Về thời gian thực hiện: Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC từ 20 ngày làm việc xuống còn 13 ngày làm việc.

Lý do: Việc cắt giảm thời gian giải quyết sẽ giảm bớt gánh nặng chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân liên quan trực tiếp, giảm bớt chi phí, thời gian làm việc cho cơ quan quản lý nhà nước có liên quan, đồng thời tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân nhanh chóng, kịp thời thực hiện các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ.

4.2. Kiến nghị thực thi:

- Về cách thức thực hiện: Sửa đổi điểm c, khoản 3 Điều 42 Phụ lục I Nghị định số 142/2025/NĐ-CP;

- Về thời gian thực hiện: Sửa đổi điểm c, khoản 3 Điều 42 Phụ lục I Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 10.674.095,32 đồng/TTHC.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 7.165.780,66 đồng/TTHC.

- Chi phí tiết kiệm: 3.508.314,67 đồng/TTHC.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 32,87%.

5. Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú hoạt động giáo dục trở lại (Đối với trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học phổ thông)

5.1. Nội dung đơn giản hoá

a) Về cách thức thực hiện: Đề nghị bổ sung quy định cụ thể các hình thức thực hiện để xác định rõ ràng các cách thức thực hiện, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân và quy định hiện hành về tiếp nhận, giải quyết TTHC.

Lý do: Thủ tục hiện thời quy định cụ thể về cách thức thực hiện dẫn tới việc hiểu, vận dụng, thực hiện khó khăn, không rõ ràng, gây khó cho tổ chức, cá nhân.

b) Về thành phần hồ sơ: Đề nghị bổ sung mẫu “Văn bản thông báo nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ được khắc phục kèm theo minh chứng”.

Lý do: Việc có mẫu hồ sơ giúp tổ chức, cá nhân rút ngắn thời gian xây dựng, hoàn thiện hồ sơ thực hiện, qua đó góp phần giảm chi phí tuân thủ TTHC.

5.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi điểm b, khoản 1 Điều 42 Phụ lục I Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

5.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 3.162.694,91 đồng/TTHC.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 840.390,84 đồng/TTHC.
- Chi phí tiết kiệm: 2.322.304,07 đồng/TTHC.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 73,4%.

6. Thủ tục chấp thuận việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên

6.1. Nội dung đơn giản hoá

Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC từ 30 ngày làm việc xuống còn 20 ngày làm việc.

Lý do: Việc cắt giảm thời gian giải quyết sẽ giảm bớt gánh nặng chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân liên quan trực tiếp, giảm bớt chi phí, thời gian làm việc cho cơ quan quản lý nhà nước có liên quan, đồng thời tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân nhanh chóng, kịp thời thực hiện các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ.

6.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi khoản 3 Điều 3 Thông tư số 32/2021/TT-BGDĐT.

6.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 11.860.105,91 đồng/TTHC.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 7.906.737,28 đồng/TTHC.
- Chi phí tiết kiệm: 3.953.368,64 đồng/TTHC.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33,33%.

7. Thủ tục cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục nghề nghiệp cho người khuyết tật, phân hiệu của trường trung cấp công lập

7.1. Nội dung đơn giản hoá

a) Về thành phần hồ sơ: Đề nghị bãi bỏ thành phần hồ sơ “Bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc quyết định giao đất, cho thuê đất để xây dựng cơ sở giáo dục nghề nghiệp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kèm theo bản sao biên lai (nộp tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất) hoặc minh chứng đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính về đất đai theo quy định”.

Lý do: Thành phần hồ sơ là kết quả của thủ tục hành chính khác do cơ quan có thẩm quyền quyết định và có thể khai thác được trên cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành đã kết nối với hệ thống thông tin giải quyết TTHC, qua đó rút ngắn quá trình chuẩn bị cho cá nhân, tổ chức cũng như chi phí thực hiện TTHC.

b) Về thời gian thực hiện: Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC từ 16 ngày làm việc xuống còn 11 ngày làm việc.

Lý do: Việc cắt giảm thời gian giải quyết sẽ giảm bớt gánh nặng chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân liên quan trực tiếp, giảm bớt chi phí, thời gian làm việc cho cơ quan quản lý nhà nước có liên quan, đồng thời tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân nhanh chóng, kịp thời thực hiện các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ.

7.2. Kiến nghị thực thi:

- Về thành phần hồ sơ: Sửa đổi điểm d, khoản 3 Điều 56 Phụ lục I Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

- Về thời gian thực hiện: Sửa đổi điểm a, b và c, khoản 4 Điều 56 Phụ lục I Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

7.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 31.726.383,32 đồng/TTHC.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 26.587.004,09 đồng/TTHC.

- Chi phí tiết kiệm: 5.139.379,23 đồng/TTHC.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 16,2%.

8. Thủ tục giải thể trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

8.1. Nội dung đơn giản hoá

Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC từ 15 ngày làm việc xuống còn 10 ngày làm việc.

Lý do: Việc cắt giảm thời gian giải quyết sẽ giảm bớt gánh nặng chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân liên quan trực tiếp, giảm bớt chi phí, thời gian làm việc cho cơ quan quản lý nhà nước có liên quan, đồng thời tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân nhanh chóng, kịp thời thực hiện các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ.

8.2. *Kiến nghị thực thi*: Sửa đổi điểm a, khoản 4 Điều 58 Phụ lục I Nghị định số 142/2025/NĐ-CP

8.3. *Lợi ích phương án đơn giản hóa*:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 5.930.052,957 đồng/TTHC.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 3.953.368,638 đồng/TTHC.

- Chi phí tiết kiệm: 1.976.684,32 đồng/TTHC.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33,33%.

9. Thủ tục chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp công lập trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

9.1. *Nội dung đơn giản hoá*

Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC từ 15 ngày làm việc xuống còn 10 ngày làm việc.

Lý do: Việc cắt giảm thời gian giải quyết sẽ giảm bớt gánh nặng chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân liên quan trực tiếp, giảm bớt chi phí, thời gian làm việc cho cơ quan quản lý nhà nước có liên quan, đồng thời tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân nhanh chóng, kịp thời thực hiện các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ.

9.2. *Kiến nghị thực thi*: Sửa đổi điểm a, khoản 4 Điều 58 Phụ lục I Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

9.3. *Lợi ích phương án đơn giản hóa*:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 5.930.052,957 đồng/TTHC.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 3.953.368,638 đồng/TTHC.

- Chi phí tiết kiệm: 1.976.684,32 đồng/TTHC.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33,33%.

10. Thành lập hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

10.1. Nội dung đơn giản hoá

Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC từ 15 ngày làm việc xuống còn 10 ngày làm việc.

Lý do: Việc cắt giảm thời gian giải quyết sẽ giảm bớt gánh nặng chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân liên quan trực tiếp, giảm bớt chi phí, thời gian làm việc cho cơ quan quản lý nhà nước có liên quan, đồng thời tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân nhanh chóng, kịp thời thực hiện các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ.

10.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi điểm e, khoản 1 và điểm c, khoản 2 Điều 12 Thông tư số 15/2021/TT-BGDĐT.

10.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 5.930.052,957 đồng/TTHC.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 3.953.368,638 đồng/TTHC.

- Chi phí tiết kiệm: 1.976.684,32 đồng/TTHC.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33,33%.

11. Thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

11.1. Nội dung đơn giản hoá

Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC từ 15 ngày làm việc xuống còn 10 ngày làm việc.

Lý do: Việc cắt giảm thời gian giải quyết sẽ giảm bớt gánh nặng chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân liên quan trực tiếp, giảm bớt chi phí, thời gian làm việc cho cơ quan quản lý nhà nước có liên quan, đồng thời tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân nhanh chóng, kịp thời thực hiện các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ.

11.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi điểm c, khoản 2 Điều 12 Thông tư số 15/2021/TT-BGDĐT.

11.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 5.930.052,957 đồng/TTHC.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 3.953.368,638 đồng/TTHC.

- Chi phí tiết kiệm: 1.976.684,32 đồng/TTHC.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33,33%.

12. Miễn nhiệm, cách chức chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

12.1. Nội dung đơn giản hóa

Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC từ 15 ngày làm việc xuống còn 10 ngày làm việc.

Lý do: Việc cắt giảm thời gian giải quyết sẽ giảm bớt gánh nặng chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân liên quan trực tiếp, giảm bớt chi phí, thời gian làm việc cho cơ quan quản lý nhà nước có liên quan, đồng thời tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân nhanh chóng, kịp thời thực hiện các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ.

12.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi khoản 4 Điều 13 Thông tư số 15/2021/TT-BGDĐT.

12.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 5.930.052,957 đồng/TTHC.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 3.953.368,638 đồng/TTHC.
- Chi phí tiết kiệm: 1.976.684,32 đồng/TTHC.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33,33%.

13. Thành lập hội đồng trường trung cấp công lập

13.1. Nội dung đơn giản hóa

Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC từ 15 ngày làm việc xuống còn 10 ngày làm việc.

Lý do: Việc cắt giảm thời gian giải quyết sẽ giảm bớt gánh nặng chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân liên quan trực tiếp, giảm bớt chi phí, thời gian làm việc cho cơ quan quản lý nhà nước có liên quan, đồng thời tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân nhanh chóng, kịp thời thực hiện các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ.

13.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi điểm e, khoản 1 và điểm c, khoản 2 Điều 12 Thông tư số 14/2021/TT-BGDĐT.

13.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 5.930.052,957 đồng/TTHC.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 3.953.368,638 đồng/TTHC.

- Chi phí tiết kiệm: 1.976.684,32 đồng/TTHC.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33,33%.

14. Thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường trung cấp công lập

14.1. Nội dung đơn giản hoá

Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC từ 15 ngày làm việc xuống còn 10 ngày làm việc.

Lý do: Việc cắt giảm thời gian giải quyết sẽ giảm bớt gánh nặng chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân liên quan trực tiếp, giảm bớt chi phí, thời gian làm việc cho cơ quan quản lý nhà nước có liên quan, đồng thời tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân nhanh chóng, kịp thời thực hiện các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ.

14.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi điểm c, khoản 2 Điều 12 Thông tư số 14/2021/TT-BGDĐT.

14.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 5.930.052,957 đồng/TTHC.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 3.953.368,638 đồng/TTHC.

- Chi phí tiết kiệm: 1.976.684,32 đồng/TTHC.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33,33%.

15. Miễn nhiệm, cách chức chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường trung cấp công lập

15.1. Nội dung đơn giản hoá

Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC từ 15 ngày làm việc xuống còn 10 ngày làm việc.

Lý do: Việc cắt giảm thời gian giải quyết sẽ giảm bớt gánh nặng chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân liên quan trực tiếp, giảm bớt chi phí, thời gian làm việc cho cơ quan quản lý nhà nước có liên quan, đồng thời tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân nhanh chóng, kịp thời thực hiện các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ.

15.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi khoản 4 Điều 13 Thông tư số 14/2021/TT-BGDĐT.

15.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 5.930.052,957 đồng/TTHC.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 3.953.368,638 đồng/TTHC.

- Chi phí tiết kiệm: 1.976.684,32 đồng/TTHC.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33,33%.

16. Thành lập trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập công lập

16.1. Nội dung đơn giản hoá

a) Về thành phần hồ sơ: Đề nghị bãi bỏ thành phần hồ sơ “Bản sao các văn bản pháp lý chứng minh quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà hoặc hợp đồng thuê địa điểm trung tâm”.

Lý do: Thành phần hồ sơ là kết quả của thủ tục hành chính khác do cơ quan có thẩm quyền quyết định và có thể khai thác được trên cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành đã kết nối với hệ thống thông tin giải quyết TTHC, qua đó rút ngắn quá trình chuẩn bị cho cá nhân, tổ chức cũng như chi phí thực hiện TTHC.

b) Về thời gian thực hiện: Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC từ 15 ngày làm việc xuống còn 10 ngày làm việc.

Lý do: Việc cắt giảm thời gian giải quyết sẽ giảm bớt gánh nặng chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân liên quan trực tiếp, giảm bớt chi phí, thời gian làm việc cho cơ quan quản lý nhà nước có liên quan, đồng thời tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân nhanh chóng, kịp thời thực hiện các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ.

16.2. Kiến nghị thực thi:

- Về thành phần hồ sơ: Sửa đổi điểm c, khoản 2 Điều 36 Phụ lục I Nghị định số 142/2025/NĐ-CP;

- Về thời gian thực hiện: Sửa đổi điểm a, khoản 3 Điều 36 Phụ lục I Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

16.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 14.726.898,18 đồng/TTHC.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 8.796.845,22 đồng/TTHC.

- Chi phí tiết kiệm: 5.930.052,96 đồng/TTHC.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 40,27%.

17. Cho phép trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập công lập hoạt động trở lại

17.1. Nội dung đơn giản hoá

Đề nghị bổ sung mẫu “Văn bản thông báo nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ được khắc phục kèm theo minh chứng”.

Lý do: Việc có mẫu hồ sơ giúp tổ chức, cá nhân rút ngắn thời gian xây dựng, hoàn thiện hồ sơ thực hiện, qua đó góp phần giảm chi phí tuân thủ TTHC.

17.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi điểm c, khoản 2 Điều 37 Phụ lục I Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

17.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 2.026.401,43 đồng/TTHC.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 840.390,84 đồng/TTHC.
- Chi phí tiết kiệm: 1.186.010,59 đồng/TTHC.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 58,53%.

18. Sáp nhập, chia, tách trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập công lập

18.1. Nội dung đơn giản hoá

Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC từ 15 ngày làm việc xuống còn 10 ngày làm việc.

Lý do: Việc cắt giảm thời gian giải quyết sẽ giảm bớt gánh nặng chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân liên quan trực tiếp, giảm bớt chi phí, thời gian làm việc cho cơ quan quản lý nhà nước có liên quan, đồng thời tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân nhanh chóng, kịp thời thực hiện các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ.

18.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi điểm a, khoản 3 Điều 38 Phụ lục I Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

18.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 5.930.052,957 đồng/TTHC.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 3.953.368,638 đồng/TTHC.
- Chi phí tiết kiệm: 1.976.684,32 đồng/TTHC.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33,33%.

19. Thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên công lập

19.1. Nội dung đơn giản hoá

a) Về thành phần hồ sơ: Đề nghị bãi bỏ thành phần hồ sơ “Bản sao văn bản pháp lý chứng minh quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà hoặc hợp đồng thuê địa điểm của trung tâm”.

Lý do: Thành phần hồ sơ là kết quả của thủ tục hành chính khác do cơ quan có thẩm quyền quyết định và có thể khai thác được trên cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành đã kết nối với hệ thống thông tin giải quyết TTHC, qua đó rút ngắn quá trình chuẩn bị cho cá nhân, tổ chức cũng như chi phí thực hiện TTHC.

b) Về thời gian thực hiện: Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC từ 15 ngày làm việc xuống còn 10 ngày làm việc.

Lý do: Việc cắt giảm thời gian giải quyết sẽ giảm bớt gánh nặng chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân liên quan trực tiếp, giảm bớt chi phí, thời gian làm việc cho cơ quan quản lý nhà nước có liên quan, đồng thời tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân nhanh chóng, kịp thời thực hiện các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ.

19.2. Kiến nghị thực thi:

- Về thành phần hồ sơ: Sửa đổi điểm c, khoản 2 Điều 24 Phụ lục I Nghị định số 142/2025/NĐ-CP;

- Về thời gian thực hiện: Sửa đổi điểm a, khoản 3 Điều 24 Phụ lục I Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

19.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 14.726.898,18 đồng/TTHC.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 8.796.845,22 đồng/TTHC.

- Chi phí tiết kiệm: 5.930.052,96 đồng/TTHC.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 40,27%.

20. Cho phép trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên công lập hoạt động trở lại

20.1. Nội dung đơn giản hoá

Đề nghị bổ sung mẫu “Văn bản thông báo nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ được khắc phục kèm theo minh chứng”.

Lý do: Việc có mẫu hồ sơ giúp tổ chức, cá nhân rút ngắn thời gian xây dựng, hoàn thiện hồ sơ thực hiện, qua đó góp phần giảm chi phí tuân thủ TTHC.

20.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi điểm c, khoản 2 Điều 25 Phụ lục I Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

20.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 2.026.401,43 đồng/TTHC.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 840.390,84 đồng/TTHC.

- Chi phí tiết kiệm: 1.186.010,59 đồng/TTHC.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 58,53%.

21. Sáp nhập, chia, tách trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên công lập

21.1. Nội dung đơn giản hoá

Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC từ 15 ngày làm việc xuống còn 10 ngày làm việc.

Lý do: Việc cắt giảm thời gian giải quyết sẽ giảm bớt gánh nặng chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân liên quan trực tiếp, giảm bớt chi phí, thời gian làm việc cho cơ quan quản lý nhà nước có liên quan, đồng thời tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân nhanh chóng, kịp thời thực hiện các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ.

21.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi điểm a, khoản 3 Điều 26 Phụ lục I Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

21.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 5.930.052,957 đồng/TTHC.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 3.953.368,638 đồng/TTHC.

- Chi phí tiết kiệm: 1.976.684,32 đồng/TTHC.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33,33%.

22. Giải thể trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên công lập

22.1. Nội dung đơn giản hoá

Đề nghị bổ sung mẫu “Tờ trình đề nghị đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp xã”, “Báo cáo tự đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp xã” và “Bản tổng hợp kết quả tự đánh giá các tiêu chí, chỉ tiêu”.

Lý do: Việc có mẫu hồ sơ giúp tổ chức, cá nhân rút ngắn thời gian xây dựng, hoàn thiện hồ sơ thực hiện, qua đó góp phần giảm chi phí tuân thủ TTHC.

22.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi điểm d, khoản 1 Điều 9 Thông tư số 25/2023/TT-BGDĐT.

22.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 3.607.748,88 đồng/TTHC.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.828.732,99 đồng/TTHC.

- Chi phí tiết kiệm: 1.779.015,89 đồng/TTHC.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 49,31%.

23. Xét thăng hạng giáo viên trung học phổ thông hạng II

23.1. Nội dung đơn giản hoá

Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC từ 35 ngày làm việc xuống còn 25 ngày làm việc.

Lý do: Việc cắt giảm thời gian giải quyết sẽ giảm bớt gánh nặng chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân liên quan trực tiếp, giảm bớt chi phí, thời gian làm việc cho cơ quan quản lý nhà nước có liên quan, đồng thời tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân nhanh chóng, kịp thời thực hiện các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ.

23.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Khoản 1, 2 Điều 40a và Khoản 1 Điều 42 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 85/2023/NĐ-CP.

23.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 13.836.790,23 đồng/TTHC.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 9.883.421,59 đồng/TTHC.

- Chi phí tiết kiệm: 3.953.368,64 đồng/TTHC.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 28,57%.

24. Xét thăng hạng giáo viên trung học phổ thông hạng I

24.1. Nội dung đơn giản hoá

Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC từ 35 ngày làm việc xuống còn 25 ngày làm việc.

Lý do: Việc cắt giảm thời gian giải quyết sẽ giảm bớt gánh nặng chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân liên quan trực tiếp, giảm bớt chi phí, thời gian làm việc cho cơ quan quản lý nhà nước có liên quan, đồng thời tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân nhanh chóng, kịp thời thực hiện các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ.

24.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Khoản 1, 2 Điều 40a và Khoản 1 Điều 42 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 85/2023/NĐ-CP.

24.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 13.836.790,23 đồng/TTHC.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 9.883.421,59 đồng/TTHC.
- Chi phí tiết kiệm: 3.953.368,64 đồng/TTHC.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 28,57%.

25. Xét thăng hạng giáo viên trung học cơ sở hạng II

25.1. Nội dung đơn giản hoá

Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC từ 35 ngày làm việc xuống còn 25 ngày làm việc.

Lý do: Việc cắt giảm thời gian giải quyết sẽ giảm bớt gánh nặng chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân liên quan trực tiếp, giảm bớt chi phí, thời gian làm việc cho cơ quan quản lý nhà nước có liên quan, đồng thời tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân nhanh chóng, kịp thời thực hiện các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ.

25.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Khoản 1, 2 Điều 40a và Khoản 1 Điều 42 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 85/2023/NĐ-CP.

25.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 13.836.790,23 đồng/TTHC.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 9.883.421,59 đồng/TTHC.
- Chi phí tiết kiệm: 3.953.368,64 đồng/TTHC.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 28,57%.

26. Xét thăng hạng giáo viên trung học cơ sở hạng I

26.1. Nội dung đơn giản hoá

Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC từ 35 ngày làm việc xuống còn 25 ngày làm việc.

Lý do: Việc cắt giảm thời gian giải quyết sẽ giảm bớt gánh nặng chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân liên quan trực tiếp, giảm bớt chi phí, thời gian làm việc cho cơ quan quản lý nhà nước có liên quan, đồng thời tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân nhanh chóng, kịp thời thực hiện các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ.

26.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Khoản 1, 2 Điều 40a và Khoản 1 Điều 42 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 85/2023/NĐ-CP.

26.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 13.836.790,23 đồng/TTHC.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 9.883.421,59 đồng/TTHC.
- Chi phí tiết kiệm: 3.953.368,64 đồng/TTHC.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 28,57%.

27. Xét thăng hạng giáo viên tiểu học hạng II

27.1. Nội dung đơn giản hoá

Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC từ 35 ngày làm việc xuống còn 25 ngày làm việc.

Lý do: Việc cắt giảm thời gian giải quyết sẽ giảm bớt gánh nặng chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân liên quan trực tiếp, giảm bớt chi phí, thời gian làm việc cho cơ quan quản lý nhà nước có liên quan, đồng thời tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân nhanh chóng, kịp thời thực hiện các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ.

27.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Khoản 1, 2 Điều 40a và Khoản 1 Điều 42 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 85/2023/NĐ-CP.

27.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 13.836.790,23 đồng/TTHC.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 9.883.421,59 đồng/TTHC.
- Chi phí tiết kiệm: 3.953.368,64 đồng/TTHC.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 28,57%.

28. Xét thăng hạng giáo viên tiểu học hạng I

28.1. Nội dung đơn giản hoá

Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC từ 35 ngày làm việc xuống còn 25 ngày làm việc.

Lý do: Việc cắt giảm thời gian giải quyết sẽ giảm bớt gánh nặng chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân liên quan trực tiếp, giảm bớt chi phí, thời gian làm việc cho cơ quan quản lý nhà nước có liên quan, đồng thời

tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân nhanh chóng, kịp thời thực hiện các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ.

28.2. *Kiến nghị thực thi:* Sửa đổi Khoản 1, 2 Điều 40a và Khoản 1 Điều 42 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 85/2023/NĐ-CP.

28.3. *Lợi ích phương án đơn giản hóa:*

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 13.836.790,23 đồng/TTHC.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 9.883.421,59 đồng/TTHC.

- Chi phí tiết kiệm: 3.953.368,64 đồng/TTHC.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 28,57%.

29. Xét thăng hạng giáo viên mầm non hạng II

29.1. *Nội dung đơn giản hoá*

Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC từ 35 ngày làm việc xuống còn 25 ngày làm việc.

Lý do: Việc cắt giảm thời gian giải quyết sẽ giảm bớt gánh nặng chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân liên quan trực tiếp, giảm bớt chi phí, thời gian làm việc cho cơ quan quản lý nhà nước có liên quan, đồng thời tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân nhanh chóng, kịp thời thực hiện các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ.

29.2. *Kiến nghị thực thi:* Sửa đổi Khoản 1, 2 Điều 40a và Khoản 1 Điều 42 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 85/2023/NĐ-CP.

29.3. *Lợi ích phương án đơn giản hóa:*

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 13.836.790,23 đồng/TTHC.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 9.883.421,59 đồng/TTHC.

- Chi phí tiết kiệm: 3.953.368,64 đồng/TTHC.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 28,57%.

30. Xét thăng hạng giáo viên mầm non hạng I

30.1. *Nội dung đơn giản hoá*

Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC từ 35 ngày làm việc xuống còn 25 ngày làm việc.

Lý do: Việc cắt giảm thời gian giải quyết sẽ giảm bớt gánh nặng chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân liên quan trực tiếp, giảm bớt

chi phí, thời gian làm việc cho cơ quan quản lý nhà nước có liên quan, đồng thời tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân nhanh chóng, kịp thời thực hiện các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ.

30.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Khoản 1, 2 Điều 40a và Khoản 1 Điều 42 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 85/2023/NĐ-CP.

30.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 13.836.790,23 đồng/TTHC.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 9.883.421,59 đồng/TTHC.

- Chi phí tiết kiệm: 3.953.368,64 đồng/TTHC.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 28,57%.

31. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên cao đẳng sư phạm chính (hạng II)

31.1. Nội dung đơn giản hoá

Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC từ 35 ngày làm việc xuống còn 25 ngày làm việc.

Lý do: Việc cắt giảm thời gian giải quyết sẽ giảm bớt gánh nặng chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân liên quan trực tiếp, giảm bớt chi phí, thời gian làm việc cho cơ quan quản lý nhà nước có liên quan, đồng thời tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân nhanh chóng, kịp thời thực hiện các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ.

31.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Khoản 1, 2 Điều 40a và Khoản 1 Điều 42 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 85/2023/NĐ-CP.

31.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 13.836.790,23 đồng/TTHC.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 9.883.421,59 đồng/TTHC.

- Chi phí tiết kiệm: 3.953.368,64 đồng/TTHC.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 28,57%.

32. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên cao đẳng sư phạm cao cấp (hạng I)

32.1. Nội dung đơn giản hoá

Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC từ 35 ngày làm việc xuống còn 25 ngày làm việc.

Lý do: Việc cắt giảm thời gian giải quyết sẽ giảm bớt gánh nặng chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân liên quan trực tiếp, giảm bớt chi phí, thời gian làm việc cho cơ quan quản lý nhà nước có liên quan, đồng thời tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân nhanh chóng, kịp thời thực hiện các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ.

32.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Khoản 1, 2 Điều 40a và Khoản 1 Điều 42 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 85/2023/NĐ-CP.

32.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 13.836.790,23 đồng/TTHC.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 9.883.421,59 đồng/TTHC.

- Chi phí tiết kiệm: 3.953.368,64 đồng/TTHC.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 28,57%.

33. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II)

33.1. Nội dung đơn giản hoá

Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC từ 35 ngày làm việc xuống còn 25 ngày làm việc.

Lý do: Việc cắt giảm thời gian giải quyết sẽ giảm bớt gánh nặng chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân liên quan trực tiếp, giảm bớt chi phí, thời gian làm việc cho cơ quan quản lý nhà nước có liên quan, đồng thời tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân nhanh chóng, kịp thời thực hiện các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ.

33.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Khoản 1, 2 Điều 40a và Khoản 1 Điều 42 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 85/2023/NĐ-CP.

33.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 13.836.790,23 đồng/TTHC.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 9.883.421,59 đồng/TTHC.

- Chi phí tiết kiệm: 3.953.368,64 đồng/TTHC.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 28,57%.

34. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp (hạng I)

34.1. Nội dung đơn giản hoá

Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC từ 35 ngày làm việc xuống còn 25 ngày làm việc.

Lý do: Việc cắt giảm thời gian giải quyết sẽ giảm bớt gánh nặng chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân liên quan trực tiếp, giảm bớt chi phí, thời gian làm việc cho cơ quan quản lý nhà nước có liên quan, đồng thời tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân nhanh chóng, kịp thời thực hiện các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ.

34.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Khoản 1, 2 Điều 40a và Khoản 1 Điều 42 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 85/2023/NĐ-CP.

34.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 13.836.790,23 đồng/TTHC.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 9.883.421,59 đồng/TTHC.
- Chi phí tiết kiệm: 3.953.368,64 đồng/TTHC.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 28,57%.

B. Thủ tục hành chính cấp xã

1. Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú hoạt động giáo dục (Đối với trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở)

1.1. Nội dung đơn giản hoá

a) Về thành phần hồ sơ: Đề nghị bãi bỏ thành phần hồ sơ “Bản sao các văn bản pháp lý chứng minh quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà hoặc hợp đồng thuê địa điểm trường với thời hạn tối thiểu 05 năm”.

Lý do: Thành phần hồ sơ là kết quả của thủ tục hành chính khác do cơ quan có thẩm quyền quyết định và có thể khai thác được trên cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành đã kết nối với hệ thống thông tin giải quyết TTHC, qua đó rút ngắn quá trình chuẩn bị cho cá nhân, tổ chức cũng như chi phí thực hiện TTHC.

b) Về thời gian thực hiện: Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC từ 20 ngày làm việc xuống còn 07 ngày làm việc.

Lý do: Việc cắt giảm thời gian giải quyết sẽ giảm bớt gánh nặng chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân liên quan trực tiếp, giảm bớt chi phí, thời gian làm việc cho cơ quan quản lý nhà nước có liên quan, đồng thời tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân nhanh chóng, kịp thời thực hiện các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ.

1.2. Kiến nghị thực thi:

- Về thành phần hồ sơ: Sửa đổi điểm b, khoản 2 Điều 41 Phụ lục I Nghị định số 142/2025/NĐ-CP;
- Về thời gian thực hiện: Sửa đổi điểm c và d, khoản 3 Điều 41 Phụ lục I Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15.122.235,04 đồng/TTHC.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 8.401.508,36 đồng/TTHC.
- Chi phí tiết kiệm: 6.720.726,68 đồng/TTHC.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 44,44 %.

2. Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú hoạt động giáo dục trở lại (Đối với trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở)

2.1. Nội dung đơn giản hoá

Đề nghị bổ sung mẫu “Văn bản thông báo nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ được khắc phục kèm theo minh chứng”.

Lý do: Việc có mẫu hồ sơ giúp tổ chức, cá nhân rút ngắn thời gian xây dựng, hoàn thiện hồ sơ thực hiện, qua đó góp phần giảm chi phí tuân thủ TTHC.

2.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi điểm b, khoản 1 Điều 42 Phụ lục I Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 2.026.401,43 đồng/TTHC.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 840.390,84 đồng/TTHC.
- Chi phí tiết kiệm: 1.186.010,59 đồng/TTHC.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 58,53%.

3. Thành lập trường phổ thông dân tộc bán trú

3.1. Nội dung đơn giản hoá

Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC từ 20 ngày làm việc xuống còn 07 ngày làm việc.

Lý do: Việc cắt giảm thời gian giải quyết sẽ giảm bớt gánh nặng chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân liên quan trực tiếp, giảm bớt chi phí, thời gian làm việc cho cơ quan quản lý nhà nước có liên quan, đồng thời tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân nhanh chóng, kịp thời thực hiện các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ.

3.2. *Kiến nghị thực thi:* Sửa đổi điểm c, khoản 3 Điều 43 Phụ lục I Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

3.3. *Lợi ích phương án đơn giản hóa:*

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 7.906.737,28 đồng/TTHC.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 5.139.379,23 đồng/TTHC.

- Chi phí tiết kiệm: 2.767.358,05 đồng/TTHC.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 35,00 %.

4. Cho phép trường phổ thông dân tộc bán trú hoạt động giáo dục

4.1. *Nội dung đơn giản hoá*

a) Về thành phần hồ sơ: Đề nghị bãi bỏ thành phần hồ sơ “sao các văn bản pháp lý chứng minh quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà hoặc hợp đồng thuê địa điểm trường với thời hạn tối thiểu 05 năm”.

Lý do: Thành phần hồ sơ là kết quả của thủ tục hành chính khác do cơ quan có thẩm quyền quyết định và có thể khai thác được trên cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành đã kết nối với hệ thống thông tin giải quyết TTHC, qua đó rút ngắn quá trình chuẩn bị cho cá nhân, tổ chức cũng như chi phí thực hiện TTHC.

b) Về thời gian thực hiện: Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC từ 20 ngày làm việc xuống còn 07 ngày làm việc.

Lý do: Việc cắt giảm thời gian giải quyết sẽ giảm bớt gánh nặng chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân liên quan trực tiếp, giảm bớt chi phí, thời gian làm việc cho cơ quan quản lý nhà nước có liên quan, đồng thời tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân nhanh chóng, kịp thời thực hiện các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ.

4.2. *Kiến nghị thực thi:*

- Về thành phần hồ sơ: Sửa đổi điểm b, khoản 2 Điều 44 Phụ lục I Nghị định số 142/2025/NĐ-CP;

- Về thời gian thực hiện: Sửa đổi điểm c, khoản 3 Điều 44 Phụ lục I Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

4.3. *Lợi ích phương án đơn giản hóa:*

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 11.069.432,19 đồng/TTHC.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 5.979.770,06 đồng/TTHC.

- Chi phí tiết kiệm: 5.089.662,12 đồng/TTHC.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 45,97943269 %.

5. Thủ tục cho phép trường phổ thông dân tộc bán trú hoạt động giáo dục trở lại

5.1. Nội dung đơn giản hoá

Đề nghị bổ sung mẫu “Văn bản thông báo nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ được khắc phục kèm theo minh chứng”.

Lý do: Việc có mẫu hồ sơ giúp tổ chức, cá nhân rút ngắn thời gian xây dựng, hoàn thiện hồ sơ thực hiện, qua đó góp phần giảm chi phí tuân thủ TTHC.

5.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi điểm b, khoản 1 Điều 45 Phụ lục I Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

5.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 2.026.401,43 đồng/TTHC.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 840.390,84 đồng/TTHC.
- Chi phí tiết kiệm: 1.186.010,59 đồng/TTHC.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 58,53%.

6. Sáp nhập, chia, tách trường phổ thông dân tộc bán trú

6.1. Nội dung đơn giản hoá

Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC từ 25 ngày làm việc xuống còn 15 ngày làm việc.

Lý do: Việc cắt giảm thời gian giải quyết sẽ giảm bớt gánh nặng chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân liên quan trực tiếp, giảm bớt chi phí, thời gian làm việc cho cơ quan quản lý nhà nước có liên quan, đồng thời tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân nhanh chóng, kịp thời thực hiện các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ.

6.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi điểm c, khoản 2 Điều 45 Phụ lục I Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

6.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 9.883.421,59 đồng/TTHC.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 5.930.052,96 đồng/TTHC.
- Chi phí tiết kiệm: 3.953.368,64 đồng/TTHC.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 40,00 %.

7. Giải thể trường phổ thông dân tộc bán trú

7.1. Nội dung đơn giản hoá

Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC từ 20 ngày làm việc xuống còn 13 ngày làm việc.

Lý do: Việc cắt giảm thời gian giải quyết sẽ giảm bớt gánh nặng chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân liên quan trực tiếp, giảm bớt chi phí, thời gian làm việc cho cơ quan quản lý nhà nước có liên quan, đồng thời tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân nhanh chóng, kịp thời thực hiện các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ.

7.2. **Kiến nghị thực thi:** Sửa đổi điểm c, khoản 3 Điều 45 Phụ lục I Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

7.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 7.906.737,28 đồng/TTHC.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 5.139.379,23 đồng/TTHC.
- Chi phí tiết kiệm: 2.767.358,05 đồng/TTHC.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 35,00 %.

IV. Thủ tục hành chính thuộc chức năng quản lý của Sở Tư pháp

1. TTHC công nhận báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh

1.1. Nội dung đơn giản hóa:

TTHC công nhận báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh chưa chuẩn hóa Danh sách trích ngang người được đề nghị công nhận báo cáo viên pháp luật. Do đó, đề nghị chuẩn hóa Danh sách trích ngang người được đề nghị công nhận báo cáo viên pháp luật

Lý do: Tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện TTHC. Việc chuẩn hóa tờ Danh sách trích ngang người được đề nghị công nhận báo cáo viên pháp luật tạo sự thuận lợi, thống nhất đối với các trường hợp khi cung cấp thông tin đề nghị Sở Tư pháp tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định công nhận báo cáo viên pháp luật.

1.2. Kiến nghị thực thi:

Đề nghị bổ sung Điều 3 Thông tư số 10/2016/TT-BTP ngày 22 tháng 7 năm 2016 của Bộ Tư pháp quy định về báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật theo hướng bổ sung mẫu Danh sách trích ngang người được đề nghị công nhận báo cáo viên pháp luật.

Tên cơ quan, đơn vị, tổ chức..... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm.....

DANH SÁCH TRÍCH NGANG NGƯỜI ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN
BÁO CÁO VIÊN PHÁP LUẬT

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Chức vụ, chức danh và đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Thâm niên công tác trong lĩnh vực pháp luật (năm)	Lĩnh vực pháp luật chuyên môn sâu dự kiến kiêm nhiệm thực hiện hoạt động PBGDPL	Số điện thoại và địa chỉ email

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Lãnh đạo, cơ quan, tổ chức, đơn vị
(Ký, đóng dấu)

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

Tạo sự thống nhất, thuận lợi cho cơ quan khi thực hiện, giải quyết TTHC.

+ Chi phí thực hiện TTHC trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2.000.000đ/1 lần

+ Chi phí thực hiện TTHC sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.600.000đ/1 lần

+ Chi phí tiết kiệm: 400.000đ đồng/1 lần.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%.

2. TTHC miễn nhiệm báo cáo viên cấp tỉnh

2.1. Nội dung đơn giản hóa:

Hiện nay, TTHC miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh chưa chuẩn hóa Danh sách đề nghị miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật. Do đó, đề nghị chuẩn hóa Danh sách đề nghị miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật.

- **Lý do:** Tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện TTHC. Việc chuẩn hóa Danh sách đề nghị miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật tạo sự thuận lợi, thống nhất đối với các trường hợp khi cung cấp thông tin đề nghị Sở Tư pháp tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định miễn nhiệm đối với báo cáo viên pháp luật tỉnh

2.2. Kiến nghị thực thi:

Đề nghị Bộ Tư pháp bổ sung Điều 4 Thông tư số 10/2016/TT-BTP ngày 22 tháng 7 năm 2016 của Bộ Tư pháp quy định về báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật theo hướng bổ sung mẫu Danh sách đề nghị miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật.

Tên cơ quan, đơn vị, tổ chức:.... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

DANH SÁCH

BÁO CÁO VIÊN THUỘC TRƯỜNG HỢP ĐỀ NGHỊ MIỄN NHIỆM

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Chức vụ, chức danh và đơn vị công tác	Quyết định công nhận báo cáo viên pháp luật ¹ ()	Lý do miễn nhiệm	Tài liệu kèm theo ² ()	Ghi chú

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Lãnh đạo, cơ quan, tổ chức, đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên)

2.3 Lợi ích phương án đơn giản hóa: tạo sự thống nhất, thuận lợi cho cơ quan khi thực hiện, giải quyết TTHC.

¹ghi rõ số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành Quyết định

²ghi rõ Đơn xin thôi hay các văn bản, giấy tờ chứng minh báo cáo viên thuộc trường hợp miễn nhiệm

+ Chi phí thực hiện TTHC trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2.000.000đ/1 lần

+ Chi phí thực hiện TTHC sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.600.000đ/1 lần

+ Chi phí tiết kiệm: 400.000đ đồng/1 lần

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%.

3. Thành lập Phòng công chứng

3.1. Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ thủ tục thành lập Phòng công chứng

Lý do: Nghị định số 104/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng đã quy định lộ trình chuyển đổi, giải thể Phòng công chứng (PCC), theo đó, đối với các PCC bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên và chi đầu tư (chậm nhất là ngày 31/12/2026), đối với các PCC bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên (chậm nhất là ngày 31/12/2027), đối với các PCC còn lại (chậm nhất là ngày 31/12/2028). Trong bối cảnh đó, việc thành lập mới các PCC sẽ không được đặt ra, do đó, việc bỏ quy định về thành lập PCC là phù hợp.

3.2. Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ Điều 21 Luật Công chứng năm 2024.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026.

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

Đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế tổ chức và hoạt động của tổ chức hành nghề công chứng.

V. Thủ tục hành chính thuộc chức năng quản lý của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch

A. Thủ tục hành chính lĩnh vực mỹ thuật

1. Thủ tục phê duyệt quy hoạch tượng đài, tranh hoành tráng cấp tỉnh

1.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Bổ sung cách thức thực hiện: Trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Bổ sung quy định về số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ

- Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: Từ 15 ngày xuống còn 12 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Lý do:** Không quy định cách thức thực hiện, số lượng hồ sơ rõ ràng và thời gian giải quyết dài ngày sẽ gây mất nhiều thời gian cho đơn vị hoàn thiện hồ sơ; việc quy định rõ số lượng hồ sơ và giảm thời gian giải quyết giúp cho việc giải quyết hồ sơ được nhanh chóng, thuận tiện, nhanh gọn.

1.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Khoản 5 Điều 20 Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 4.620.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 3.540.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 1.080.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 23,38 %.

2. Thủ tục điều chỉnh quy hoạch tượng đài, tranh hoành tráng cấp tỉnh

2.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Bổ sung cách thức thực hiện: Trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích

- Bổ sung quy định về số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ

- Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: Từ 15 ngày xuống còn 12 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Lý do:** Không quy định cách thức thực hiện, số lượng hồ sơ rõ ràng và thời gian giải quyết dài ngày sẽ gây mất nhiều thời gian cho đơn vị hoàn thiện hồ sơ; việc quy định rõ số lượng hồ sơ và giảm thời gian giải quyết giúp cho việc giải quyết hồ sơ được nhanh chóng, thuận tiện, nhanh gọn.

2.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Khoản 5 Điều 20 Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí thực hiện TTHC NB trước khi đơn giản hóa: 5.400.000đồng/năm

- Chi phí thực hiện TTHC NB sau khi đơn giản hóa: 4.320.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 1.080.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20 %.

B. Thủ tục hành chính lĩnh vực xuất bản, in phát hành, thông tin đối ngoại

1. Cung cấp thông tin giải thích, làm rõ các thông tin sai lệch (địa phương)

1.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Bổ sung quy định rõ thời gian giải quyết TTHC: 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Lý do:** Không quy định thời gian giải quyết TTHC sẽ gây khó khăn cho đơn vị nộp hồ sơ và cơ quan có thẩm quyền giải quyết hồ sơ; việc quy định rõ thời gian giải quyết giúp cho việc giải quyết hồ sơ được nhanh chóng, thuận tiện.

1.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 6, Thông tư 22/2016/TT-BTTTT ngày 19/10/2026
- Lộ trình thực hiện: Năm 2026

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 2.595.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.515.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.080.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 41.62 %.

2. Nộp xuất bản phẩm lưu chiếu đối với xuất bản phẩm dạng in (địa phương) Nộp xuất bản phẩm lưu chiếu đối với xuất bản phẩm dạng in (địa phương)

2.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Bổ sung quy định rõ thời gian giải quyết TTHC: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Lý do:** Không quy định thời gian giải quyết TTHC sẽ gây khó khăn cho đơn vị nộp hồ sơ và cơ quan có thẩm quyền giải quyết hồ sơ; việc quy định rõ thời gian giải quyết giúp cho việc giải quyết hồ sơ được nhanh chóng, thuận tiện.

2.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 28 và Điều 48 Luật Xuất bản, Điều 21 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP của Chính phủ; Điều 12, Thông tư 01/2020/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 2.595.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.515.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.080.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 41.62 %.

3. Nộp xuất bản phẩm lưu chiếu đối với xuất bản phẩm điện tử (địa phương)

3.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Bổ sung quy định rõ thời gian giải quyết TTHC: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Lý do:** Không quy định thời gian giải quyết TTHC sẽ gây khó khăn cho đơn vị nộp hồ sơ và cơ quan có thẩm quyền giải quyết hồ sơ; việc quy định rõ thời gian giải quyết giúp cho việc giải quyết hồ sơ được nhanh chóng, thuận tiện.

3.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 28 và Điều 48 Luật Xuất bản, Điều 21 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP của Chính phủ; Điều 12, Thông tư 01/2020/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 2.595.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.515.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.080.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 41.62 %.

C. TTHC lĩnh vực di sản văn hoá

1. Thủ tục quyết định việc tổ chức liên hoan 01 hoặc nhiều di sản văn hóa phi vật thể trong phạm vi 01 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức

1.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 10 ngày làm việc xuống còn 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Lý do:** Việc đề thời gian dài ngày sẽ kéo dài thời gian, chi phí giải quyết TTHC. Giảm thời gian giải quyết giúp cho việc giải quyết hồ sơ được nhanh chóng, thuận tiện.

1.2. Kiến nghị thực thi:

- Điểm d khoản 3 điều 8 Nghị định số 215/2025/NĐ-CP “Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định giao nhiệm vụ và kế hoạch tổ chức liên hoan.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 5.040.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 3.960.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 1.080.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 21.43 %.

2. Thủ tục phê duyệt đề án quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể

2.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 20 ngày làm việc xuống còn 18 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Lý do:** Việc đề thời gian dài ngày sẽ kéo dài thời gian, chi phí giải quyết TTHC. Giảm thời gian giải quyết giúp cho việc giải quyết hồ sơ được nhanh chóng, thuận tiện.

2.2. Kiến nghị thực thi:

- Điểm b khoản 3 điều 11 Nghị định số 215/2025/NĐ-CP của Chính phủ

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 11.925.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 11.205.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 720.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 6,04 %.

3. Thủ tục phê duyệt kế hoạch quản lý, điều chỉnh kế hoạch quản lý di sản thế giới (cấp tỉnh)

3.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: từ 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ thành 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- **Lý do:** Việc đề thời gian dài ngày sẽ kéo dài thời gian, chi phí giải quyết TTHC. Giảm thời gian giải quyết giúp cho việc giải quyết hồ sơ được nhanh chóng, thuận tiện.

3.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điểm b khoản 2 Điều 25 Nghị định số 215/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định các biện pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, di sản văn hóa dưới nước, di sản văn hóa phi vật thể trong các Danh sách của UNESCO và Danh mục quốc gia về di sản văn hóa phi vật thể và chính sách đối với nghệ nhân, chủ thể di sản văn hóa phi vật thể

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 6.360.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 5.640.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 720.000đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 11,3 %.

4. Thủ tục phê duyệt quy chế bảo vệ di sản thế giới (cấp tỉnh)

4.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: từ 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ thành 18 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- **Lý do:** Việc để thời gian dài ngày sẽ kéo dài thời gian, chi phí giải quyết TTHC. Giảm thời gian giải quyết giúp cho việc giải quyết hồ sơ được nhanh chóng, thuận tiện.

4.2. Kiến nghị thực thi:

- Điểm b khoản 2 Điều 28 Nghị định số 215/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định các biện pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, di sản văn hóa dưới nước, di sản văn hóa phi vật thể trong các Danh sách của UNESCO và Danh mục quốc gia về di sản văn hóa phi vật thể và chính sách đối với nghệ nhân, chủ thể di sản văn hóa phi vật thể

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026

4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 5.760.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 5.400.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 360.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 6,25%.

5. Thủ tục đưa thêm, di dời, thay đổi hiện vật trong di tích quốc gia, di tích cấp tỉnh và di tích trong Danh mục kiểm kê di tích thuộc sở hữu toàn dân

5.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: từ 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ thành 28 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- **Lý do:** Việc để thời gian dài ngày sẽ kéo dài thời gian, chi phí giải quyết TTHC. Giảm thời gian giải quyết giúp cho việc giải quyết hồ sơ được nhanh chóng, thuận tiện.

5.2. Kiến nghị thực thi:

- Khoản 2 Điều 16 Thông tư số 04/2025/TT-BVHTTDL ngày 13 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về kiểm kê di sản văn hóa, công bố Danh mục kiểm kê di sản văn hóa; đưa thêm, di dời, thay đổi hiện vật trong di tích phân loại di vật, cổ vật; kho bảo quản di sản tư liệu; di sản văn hóa hạn chế sử dụng, khai thác và hướng dẫn việc khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về di sản văn hóa

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026

5.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 9.150.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 8.430.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 720.000đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 7,8 %.

6. Thủ tục phê duyệt đề cương trưng bày bảo tàng công lập (cấp tỉnh)

6.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: từ 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ thành 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- **Lý do:** Việc để thời gian dài ngày sẽ kéo dài thời gian, chi phí giải quyết TTHC. Giảm thời gian giải quyết giúp cho việc giải quyết hồ sơ được nhanh chóng, thuận tiện.

6.2. Kiến nghị thực thi:

- Điểm b, c khoản 2 Điều 50 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026

6.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 14.415.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 12.015.000đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 2.400.000đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 16,65%.

7. Thủ tục phê duyệt quy hoạch khảo cổ

7.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: từ 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ thành 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- **Lý do:** Việc để thời gian dài ngày sẽ kéo dài thời gian, chi phí giải quyết TTHC. Giảm thời gian giải quyết giúp cho việc giải quyết hồ sơ được nhanh chóng, thuận tiện.

7.2. Kiến nghị thực thi:

- Điểm c khoản 2 Điều 8 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026

7.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 12.690.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 11.610.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.080.000đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 8,51%.

8. Thủ tục phê duyệt điều chỉnh quy hoạch khảo cổ

8.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: từ 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ thành 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- **Lý do:** Việc để thời gian dài ngày sẽ kéo dài thời gian, chi phí giải quyết TTHC. Giảm thời gian giải quyết giúp cho việc giải quyết hồ sơ được nhanh chóng, thuận tiện.

8.2. Kiến nghị thực thi:

- Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026

8.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 11.970.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 10.920.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.050.000đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 8.77%.

9. Thủ tục xét tặng danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”

9.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Sửa đổi bổ sung về trình tự thực hiện: Bỏ cấp huyện, UBND cấp xã gửi hồ sơ về Sở VH TTDL.

- Sửa đổi bổ sung đối tượng thực hiện là UBND cấp xã.

- **Lý do:** Việc điều chỉnh trình tự thực hiện thủ tục xét tặng danh hiệu “Xã, phường tiêu biểu” theo hướng bỏ khâu trung gian, UBND cấp xã gửi hồ sơ trực tiếp về cơ quan chuyên môn cấp tỉnh là cần thiết, phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp, không làm thay đổi tiêu chuẩn, điều kiện, thành phần hồ sơ và thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật.

9.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi bổ sung điểm b, c khoản 3 Điều 8 Nghị định 86/2023/NĐ-CP của Chính phủ quy định về khung tiêu chuẩn và trình tự, thủ tục, hồ sơ xét Ngày tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026

10. Thủ tục phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch cụm di tích quốc gia hoặc cụm di tích quốc gia với di tích cấp tỉnh (cấp tỉnh)

10.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: Từ 27 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến HĐ thẩm định còn 24 ngày.

- **Lý do:** Việc để thời gian dài ngày sẽ kéo dài thời gian, chi phí giải quyết TTHC. Giảm thời gian giải quyết giúp cho việc giải quyết hồ sơ được nhanh chóng, thuận tiện.

10.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 điều 19 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026

10.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 34.680.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 33.600.000đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.005.000đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 3,11%.

11. Thủ tục phê duyệt quy hoạch cụm di tích quốc gia hoặc cụm di tích quốc gia với di tích cấp tỉnh (cấp tỉnh)

11.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: Từ 27 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến HĐ thẩm định còn 24 ngày.

- **Lý do:** Việc để thời gian dài ngày sẽ kéo dài thời gian, chi phí giải quyết TTHC. Giảm thời gian giải quyết giúp cho việc giải quyết hồ sơ được nhanh chóng, thuận tiện.

11.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 điều 19 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP
- Lộ trình thực hiện: Năm 2026

11.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 29.205.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 28.200.000đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.005.000đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 3,44%.

12. Thủ tục phê duyệt điều chỉnh quy hoạch cụm di tích quốc gia hoặc cụm di tích quốc gia với di tích cấp tỉnh (cấp tỉnh)

12.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: Từ 27 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến HĐ thẩm định còn 24 ngày.

- **Lý do:** Việc để thời gian dài ngày sẽ kéo dài thời gian, chi phí giải quyết TTHC. Giảm thời gian giải quyết giúp cho việc giải quyết hồ sơ được nhanh chóng, thuận tiện.

12.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 điều 19 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP
- Lộ trình thực hiện: Năm 2026

12.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 21.360. 000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 20.280. 000đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 1.080.000đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 5,06%.

13. Thủ tục xác nhận di tích xuống cấp để lập dự án tu bổ di tích đối với di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích

13.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: Từ 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ xuống còn 04 ngày làm việc.

- **Lý do:** Việc để thời gian dài ngày sẽ kéo dài thời gian, chi phí giải quyết TTHC. Giảm thời gian giải quyết giúp cho việc giải quyết hồ sơ được nhanh chóng, thuận tiện.

13.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 điều 22 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP
- Lộ trình thực hiện: Năm 2026

13.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 4.005.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 3.645.000đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 360.000đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 8,9%.

14. Thủ tục thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, đối với di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích

14.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: Từ 17 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ xuống còn 15 ngày làm việc.

- **Lý do:** Việc để thời gian dài ngày sẽ kéo dài thời gian, chi phí giải quyết TTHC. Giảm thời gian giải quyết giúp cho việc giải quyết hồ sơ được nhanh chóng, thuận tiện.

14.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 điều 31 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP
- Lộ trình thực hiện: Năm 2026

14.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 12.000.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 11.280.000đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 720.000đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 6%.

15. Thủ tục phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, (cấp tỉnh)

15.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: Từ 17 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ xuống còn 15 ngày làm việc.

- **Lý do:** Việc để thời gian dài ngày sẽ kéo dài thời gian, chi phí giải quyết TTHC. Giảm thời gian giải quyết giúp cho việc giải quyết hồ sơ được nhanh chóng, thuận tiện.

15.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 điều 31 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP
- Lộ trình thực hiện: Năm 2026

15.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 12.000.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 11.280.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 720.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 6%.

16. Thủ tục thẩm định điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích đối với di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích

16.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: Từ 17 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ xuống còn 15 ngày làm việc.

- **Lý do:** Việc để thời gian dài ngày sẽ kéo dài thời gian, chi phí giải quyết TTHC. Giảm thời gian giải quyết giúp cho việc giải quyết hồ sơ được nhanh chóng, thuận tiện.

16.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 điều 31 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP
- Lộ trình thực hiện: Năm 2026

16.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 11.820.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 11.100.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 720.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 6,09%.

17. Thủ tục phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (cấp tỉnh)

17.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: Từ 17 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ xuống còn 15 ngày làm việc.

- **Lý do:** Việc đề thời gian dài ngày sẽ kéo dài thời gian, chi phí giải quyết TTHC. Giảm thời gian giải quyết giúp cho việc giải quyết hồ sơ được nhanh chóng, thuận tiện.

17.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 điều 31 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP
- Lộ trình thực hiện: Năm 2026

17.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 12.000.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 11.280.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 720.000đồng/
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 6,0%.

18. Thủ tục thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích đối với di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích

18.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: Từ 17 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ xuống còn 15 ngày làm việc.

- **Lý do:** Việc đề thời gian dài ngày sẽ kéo dài thời gian, chi phí giải quyết TTHC. Giảm thời gian giải quyết giúp cho việc giải quyết hồ sơ được nhanh chóng, thuận tiện.

18.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 điều 31 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP
- Lộ trình thực hiện: Năm 2026

18.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 11.820.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 11.100.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 720.000đồng/
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 6,09%.

19. Thủ tục phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích (cấp tỉnh)

19.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: Từ 17 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ xuống còn 15 ngày làm việc.

- **Lý do:** Việc đề thời gian dài ngày sẽ kéo dài thời gian, chi phí giải quyết TTHC. Giảm thời gian giải quyết giúp cho việc giải quyết hồ sơ được nhanh chóng, thuận tiện.

19.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 điều 31 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026

19.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 12.000.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 11.280.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 720.000đồng/

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 6,0%.

20. Thủ tục thẩm định điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích đối với di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích

20.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: Từ 17 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ xuống còn 15 ngày làm việc.

- **Lý do:** Việc đề thời gian dài ngày sẽ kéo dài thời gian, chi phí giải quyết TTHC. Giảm thời gian giải quyết giúp cho việc giải quyết hồ sơ được nhanh chóng, thuận tiện.

20.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 điều 31 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026

20.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 11.820.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 11.100.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 720.000đồng/

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 6,09%.

21. Thủ tục phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích (cấp tỉnh)

21.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: Từ 17 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ xuống còn 15 ngày làm việc.

- **Lý do:** Việc đề thời gian dài ngày sẽ kéo dài thời gian, chi phí giải quyết TTHC. Giảm thời gian giải quyết giúp cho việc giải quyết hồ sơ được nhanh chóng, thuận tiện.

21.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 điều 31 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026

21.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 12.000.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 11.280.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 720.000đồng/

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 6,0%.

22. Thủ tục thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích đối với di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích

22.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: Từ 17 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ xuống còn 15 ngày làm việc.

- **Lý do:** Việc đề thời gian dài ngày sẽ kéo dài thời gian, chi phí giải quyết TTHC. Giảm thời gian giải quyết giúp cho việc giải quyết hồ sơ được nhanh chóng, thuận tiện.

22.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 điều 31 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026

22.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 10.920.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 10.200.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 720.000đồng/

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 6,59%.

23. Thủ tục phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (cấp tỉnh)

23.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: Từ 17 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ xuống còn 15 ngày làm việc.

- **Lý do:** Việc đề thời gian dài ngày sẽ kéo dài thời gian, chi phí giải quyết TTHC. Giảm thời gian giải quyết giúp cho việc giải quyết hồ sơ được nhanh chóng, thuận tiện.

23.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 điều 31 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP
- Lộ trình thực hiện: Năm 2026

23.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 11.280.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 10.560.000đ /năm.
- Chi phí tiết kiệm: 720.000đồng/
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 6,38%.

24. Thủ tục thẩm định điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích đối với di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích

24.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: Từ 17 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ xuống còn 15 ngày làm việc.

- **Lý do:** Việc đề thời gian dài ngày sẽ kéo dài thời gian, chi phí giải quyết TTHC. Giảm thời gian giải quyết giúp cho việc giải quyết hồ sơ được nhanh chóng, thuận tiện.

24.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 điều 31 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP
- Lộ trình thực hiện: Năm 2026

24.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 10.920.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 10.200.000đ /năm.
- Chi phí tiết kiệm: 720.000đồng/
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 6,59%.

25. Thủ tục phê duyệt điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (cấp tỉnh)

25.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: Từ 17 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ xuống còn 15 ngày làm việc.

- **Lý do:** Việc đề thời gian dài ngày sẽ kéo dài thời gian, chi phí giải quyết TTHC. Giảm thời gian giải quyết giúp cho việc giải quyết hồ sơ được nhanh chóng, thuận tiện.

25.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 điều 31 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP
- Lộ trình thực hiện: Năm 2026

25.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 11.280.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 10.560.000đ /năm.
- Chi phí tiết kiệm: 720.000đồng/
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 6,38%.

26. Thủ tục lấy ý kiến Báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu sửa cấp thiết di tích

26.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: Từ 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ xuống còn 06 ngày.

- **Lý do:** Việc đề thời gian dài ngày sẽ kéo dài thời gian, chi phí giải quyết TTHC. Giảm thời gian giải quyết giúp cho việc giải quyết hồ sơ được nhanh chóng, thuận tiện.

26.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 điều 33 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP
- Lộ trình thực hiện: Năm 2026

26.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 6.600.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 6.240.000 đồng /năm.
- Chi phí tiết kiệm: 360.000đồng/
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 5,45%.

27. Thủ tục thẩm định Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích đối với di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích

27.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: Từ 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ xuống còn 12 ngày.

- **Lý do:** Việc đề thời gian dài ngày sẽ kéo dài thời gian, chi phí giải quyết TTHC. Giảm thời gian giải quyết giúp cho việc giải quyết hồ sơ được nhanh chóng, thuận tiện.

27.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 điều 38 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP
- Lộ trình thực hiện: Năm 2026

27.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 10.290.000đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 9.210.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.080.000 đồng/
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10.5%.

28. Thủ tục phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (cấp tỉnh)

28.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: Từ 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ xuống còn 12 ngày.

- **Lý do:** Việc đề thời gian dài ngày sẽ kéo dài thời gian, chi phí giải quyết TTHC. Giảm thời gian giải quyết giúp cho việc giải quyết hồ sơ được nhanh chóng, thuận tiện.

28.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 điều 38 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP
- Lộ trình thực hiện: Năm 2026

28.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 10.650.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 9.570.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.080.000đồng/
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10%.

29. Thủ tục thẩm định điều chỉnh Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích đối với di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di

29.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: Từ 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ xuống còn 06 ngày.

- **Lý do:** Việc để thời gian dài ngày sẽ kéo dài thời gian, chi phí giải quyết TTHC. Giảm thời gian giải quyết giúp cho việc giải quyết hồ sơ được nhanh chóng, thuận tiện.

29.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 41 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP
- Lộ trình thực hiện: Năm 2026

29.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 8.040.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 7.680.000đồng /năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.080.000đồng/
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10,2%.

30. Thủ tục phê duyệt điều chỉnh Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (cấp tỉnh)

30.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: Từ 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ xuống còn 06 ngày.

- **Lý do:** Việc để thời gian dài ngày sẽ kéo dài thời gian, chi phí giải quyết TTHC. Giảm thời gian giải quyết giúp cho việc giải quyết hồ sơ được nhanh chóng, thuận tiện.

30.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 41 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP
- Lộ trình thực hiện: Năm 2026

30.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 8.400.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 8.040.000 đồng /năm.
- Chi phí tiết kiệm: 360.0000 đồng/
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 4,3%.

31. Thủ tục thẩm định Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích đối với di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích

31.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: Từ 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ xuống còn 12 ngày.

- **Lý do:** Việc để thời gian dài ngày sẽ kéo dài thời gian, chi phí giải quyết TTHC. Giảm thời gian giải quyết giúp cho việc giải quyết hồ sơ được nhanh chóng, thuận tiện.

31.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 điều 38 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP
- Lộ trình thực hiện: Năm 2026

31.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 9.840.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 8.760.000 đồng /năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.080.000đồng/
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10.9%.

32. Thủ tục phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích (cấp tỉnh)

32.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: Từ 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ xuống còn 12 ngày.

- **Lý do:** Việc để thời gian dài ngày sẽ kéo dài thời gian, chi phí giải quyết TTHC. Giảm thời gian giải quyết giúp cho việc giải quyết hồ sơ được nhanh chóng, thuận tiện.

32.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điểm a khoản 2 điều 38 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP
- Lộ trình thực hiện: Năm 2026

32.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 10.200.000đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 9.120.000 đồng /năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.080.000đồng/
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10.6%.

33. Thủ tục thẩm định điều chỉnh Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích đối với di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích

33.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: Từ 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ xuống còn 12 ngày.

- **Lý do:** Việc để thời gian dài ngày sẽ kéo dài thời gian, chi phí giải quyết TTHC. Giảm thời gian giải quyết giúp cho việc giải quyết hồ sơ được nhanh chóng, thuận tiện.

33.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điểm b khoản 1 điều 38 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP
- Lộ trình thực hiện: Năm 2026

33.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 8.040.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 6.960.000 /năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.080.000đồng/
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,4%.

34. Thủ tục phê duyệt điều chỉnh Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích (cấp tỉnh)

34.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: Từ 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ xuống còn 06 ngày.

- **Lý do:** Việc để thời gian dài ngày sẽ kéo dài thời gian, chi phí giải quyết TTHC. Giảm thời gian giải quyết giúp cho việc giải quyết hồ sơ được nhanh chóng, thuận tiện.

33.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 3 điều 41 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP
- Lộ trình thực hiện: Năm 2026

33.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 8.400.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 7.320.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.080.000đồng/
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 12,8%

35. Thủ tục lấy ý kiến đối với dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sử dụng khu vực biển để thực hiện hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển, thực hiện hoạt động kinh tế - xã hội nằm trong khu vực bảo vệ di tích đối với di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích

35.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: Từ 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ xuống còn 12 ngày.

- **Lý do:** Việc đề thời gian dài ngày sẽ kéo dài thời gian, chi phí giải quyết TTHC. Giảm thời gian giải quyết giúp cho việc giải quyết hồ sơ được nhanh chóng, thuận tiện.

35.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 3 điều 44 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP
- Lộ trình thực hiện: Năm 2026

35.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 7.680.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 6.600.000 đồng /năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.080.000đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 14%

36. Thủ tục lấy ý kiến đối với dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sử dụng khu vực biển để thực hiện hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển, thực hiện hoạt động kinh tế - xã hội nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích đối với di tích cấp tỉnh

36.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: Từ 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ xuống còn 12 ngày.

- **Lý do:** Việc đề thời gian dài ngày sẽ kéo dài thời gian, chi phí giải quyết TTHC. Giảm thời gian giải quyết giúp cho việc giải quyết hồ sơ được nhanh chóng, thuận tiện.

36.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 điều 47 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP
- Lộ trình thực hiện: Năm 2026

36.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 7.680.000đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 6.600.000 đồng /năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.080.000đồng/
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 14%

37. Thủ tục lấy ý kiến đối với việc sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong khu vực bảo vệ di tích, di sản thế giới (trường hợp cấp giấy phép xây dựng)

37.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: Từ 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ xuống còn 12 ngày.

- **Lý do:** Việc đề thời gian dài ngày sẽ kéo dài thời gian, chi phí giải quyết TTHC. Giảm thời gian giải quyết giúp cho việc giải quyết hồ sơ được nhanh chóng, thuận tiện.

37.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 điều 47 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP
- Lộ trình thực hiện: Năm 2026

37.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 8.400.000đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 7.320.000 /năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.080.000đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 12,8%/năm

38. Thủ tục lấy ý kiến đối với việc xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích, nằm ngoài vùng đệm của khu vực di sản thế giới có khả năng tác động tiêu cực đến yếu tố gốc cấu thành di tích, cảnh quan văn hóa của di tích, di sản thế giới (trường hợp cấp giấy phép xây dựng)

38.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: Từ 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ xuống còn 12 ngày.

- **Lý do:** Việc đề thời gian dài ngày sẽ kéo dài thời gian, chi phí giải quyết TTHC. Giảm thời gian giải quyết giúp cho việc giải quyết hồ sơ được nhanh chóng, thuận tiện.

38.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 điều 47 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP
- Lộ trình thực hiện: Năm 2026

38.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 8.400.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 7.320.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.080.000đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 12,8%/năm

VI. Thủ tục hành chính thuộc chức năng quản lý của Sở Tài chính

1. Thủ tục: Xét duyệt, thẩm định và thông báo kết quả xét duyệt quyết toán năm

1.1. Nội dung đơn giản hóa

** Cách thức thực hiện*

Thực hiện trên môi trường điện tử thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh.

1.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Quyết định 1348/QĐ-UBND ngày 01/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh theo nội dung đơn giản hoá.

- Lộ trình thực hiện: Quý IV năm 2025 sửa đổi văn bản quy định nội dung TTHC; Năm 2026 thực hiện trên môi trường điện tử.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giúp cắt giảm quy trình giải quyết TTHC; giảm thời gian thực hiện.
- Chi phí tiết kiệm thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 50.000 đồng/TTHC.
- Chi phí tiết kiệm: 350.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10 %.

2. Thủ tục: Thủ tục trích nộp các khoản thu hồi phát hiện qua công tác thanh tra vào ngân sách nhà nước

2.1. Nội dung đơn giản hóa

** Cách thức thực hiện*

Thực hiện trên môi trường điện tử thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh.

2.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Quyết định 1348/QĐ-UBND ngày 01/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh theo nội dung đơn giản hoá.

- Lộ trình thực hiện: Quý IV năm 2025 sửa đổi văn bản quy định nội dung TTHC; Năm 2026 thực hiện trên môi trường điện tử.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giúp cắt giảm quy trình giải quyết TTHC; giảm thời gian thực hiện.
- Chi phí tiết kiệm thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 50.000 đồng/TTHC.
- Chi phí tiết kiệm: 350.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10 %.

3. Thủ tục: Quyết định điều chuyển tài sản công

3.1. Nội dung đơn giản hóa

** Cách thức thực hiện*

Thực hiện trên môi trường điện tử thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh.

3.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Quyết định 1348/QĐ-UBND ngày 01/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh theo nội dung đơn giản hoá.
- Lộ trình thực hiện: Quý IV năm 2025 sửa đổi văn bản quy định nội dung TTHC; Năm 2026 thực hiện trên môi trường điện tử.

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giúp cắt giảm quy trình giải quyết TTHC; giảm thời gian thực hiện.
- Chi phí tiết kiệm thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 50.000 đồng/TTHC.
- Chi phí tiết kiệm: 350.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10 %.

4. Thủ tục: Quyết định xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án khi dự án kết thúc

4.1. Nội dung đơn giản hóa

* Cách thức thực hiện

Thực hiện trên môi trường điện tử thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh.

4.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Quyết định 1348/QĐ-UBND ngày 01/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh theo nội dung đơn giản hoá.
- Lộ trình thực hiện: Quý IV năm 2025 sửa đổi văn bản quy định nội dung TTHC; Năm 2026 thực hiện trên môi trường điện tử.

4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giúp cắt giảm quy trình giải quyết TTHC; giảm thời gian thực hiện.
- Chi phí tiết kiệm thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 50.000 đồng/TTHC.
- Chi phí tiết kiệm: 350.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10 %.

5. Thủ tục: Quyết định chuyển đổi công năng sử dụng tài sản công trong trường hợp không thay đổi đối tượng quản lý, sử dụng tài sản công

5.1. Nội dung đơn giản hóa

* Cách thức thực hiện

Thực hiện trên môi trường điện tử thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh.

5.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Quyết định 1348/QĐ-UBND ngày 01/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh theo nội dung đơn giản hoá.
- Lộ trình thực hiện: Quý IV năm 2025 sửa đổi văn bản quy định nội dung TTHC; Năm 2026 thực hiện trên môi trường điện tử.

5.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giúp cắt giảm quy trình giải quyết TTHC; giảm thời gian thực hiện.
- Chi phí tiết kiệm thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 50.000 đồng/TTHC.
- Chi phí tiết kiệm: 350.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10 %.

6. Thủ tục: Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản công tự nguyện trả lại tài sản cho Nhà nước và trường hợp theo quy định tại các điểm a,b,c,d,đ và e khoản 1 Điều 41 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công

6.1. Nội dung đơn giản hóa

* Cách thức thực hiện

Thực hiện trên môi trường điện tử thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh.

6.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Quyết định 1348/QĐ-UBND ngày 01/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh theo nội dung đơn giản hoá.

- Lộ trình thực hiện: Quý IV năm 2025 sửa đổi văn bản quy định nội dung TTHC; Năm 2026 thực hiện trên môi trường điện tử.

6.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giúp cắt giảm quy trình giải quyết TTHC; giảm thời gian thực hiện.
- Chi phí tiết kiệm thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 50.000 đồng/TTHC.
- Chi phí tiết kiệm: 350.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10 %.

7. Thủ tục: Quyết định bán tài sản công

7.1. Nội dung đơn giản hóa

* Cách thức thực hiện

Thực hiện trên môi trường điện tử thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh.

7.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Quyết định 1348/QĐ-UBND ngày 01/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh theo nội dung đơn giản hoá.

- Lộ trình thực hiện: Quý IV năm 2025 sửa đổi văn bản quy định nội dung TTHC; Năm 2026 thực hiện trên môi trường điện tử.

7.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giúp cắt giảm quy trình giải quyết TTHC; giảm thời gian thực hiện.
- Chi phí tiết kiệm thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 50.000 đồng/TTHC.

- Chi phí tiết kiệm: 350.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10 %.

8. Thủ tục: Quyết định hủy bỏ quyết định bán đấu giá tài sản công

8.1. Nội dung đơn giản hóa

* Cách thức thực hiện

Thực hiện trên môi trường điện tử thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh.

8.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Quyết định 1348/QĐ-UBND ngày 01/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh theo nội dung đơn giản hoá.

- Lộ trình thực hiện: Quý IV năm 2025 sửa đổi văn bản quy định nội dung TTHC; Năm 2026 thực hiện trên môi trường điện tử.

8.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giúp cắt giảm quy trình giải quyết TTHC; giảm thời gian thực hiện.
- Chi phí tiết kiệm thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 50.000 đồng/TTHC.
- Chi phí tiết kiệm: 350.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10 %.

9. Thủ tục: Quyết định xử lý tài sản bị hư hỏng, không sử dụng được hoặc không còn nhu cầu sử dụng trong quá trình thực hiện dự án

9.1. Nội dung đơn giản hóa

* Cách thức thực hiện

Thực hiện trên môi trường điện tử thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh.

9.3. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Quyết định 1348/QĐ-UBND ngày 01/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh theo nội dung đơn giản hoá.

- Lộ trình thực hiện: Quý IV năm 2025 sửa đổi văn bản quy định nội dung TTHC; Năm 2026 thực hiện trên môi trường điện tử.

9.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giúp cắt giảm quy trình giải quyết TTHC; giảm thời gian thực hiện.
- Chi phí tiết kiệm thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 50.000 đồng/TTHC.
- Chi phí tiết kiệm: 350.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10 %.

10. Thủ tục: Thống kê, kiểm kê, đánh giá lại, báo cáo tài sản công tại cơ quan nhà nước

10.1. Nội dung đơn giản hóa

* Cách thức thực hiện

Thực hiện trên Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công

10.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Quyết định 1348/QĐ-UBND ngày 01/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh theo nội dung đơn giản hoá.

- Lộ trình thực hiện: Quý IV năm 2025 sửa đổi văn bản quy định nội dung TTHC; Năm 2026 thực hiện trên môi trường điện tử.

10.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giúp cắt giảm quy trình giải quyết TTHC; giảm thời gian thực hiện.
- Chi phí tiết kiệm thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 50.000 đồng/TTHC.
- Chi phí tiết kiệm: 350.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10 %.

11. Thủ tục: Quyết định thanh lý tài sản công

11.1. Nội dung đơn giản hóa

* Cách thức thực hiện

Thực hiện trên môi trường điện tử thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh.

11.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Quyết định 1348/QĐ-UBND ngày 01/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh theo nội dung đơn giản hoá.

- Lộ trình thực hiện: Quý IV năm 2025 sửa đổi văn bản quy định nội dung TTHC; Năm 2026 thực hiện trên môi trường điện tử.

11.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giúp cắt giảm quy trình giải quyết TTHC; giảm thời gian thực hiện.
- Chi phí tiết kiệm thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 50.000 đồng/TTHC.
- Chi phí tiết kiệm: 350.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10 %.

12. Thủ tục: Quyết định tiêu hủy tài sản công

12.1. Nội dung đơn giản hóa

* Cách thức thực hiện

Thực hiện trên môi trường điện tử thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh.

12.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Quyết định 1348/QĐ-UBND ngày 01/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh theo nội dung đơn giản hoá.

- Lộ trình thực hiện: Quý IV năm 2025 sửa đổi văn bản quy định nội dung TTHC; Năm 2026 thực hiện trên môi trường điện tử.

12.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giúp cắt giảm quy trình giải quyết TTHC; giảm thời gian thực hiện.
- Chi phí tiết kiệm thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 50.000 đồng/TTHC.
- Chi phí tiết kiệm: 350.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10 %.

13. Thủ tục: Quyết định xử lý tài sản công trường hợp bị mất, bị hủy hoại

13.1. Nội dung đơn giản hóa

* Cách thức thực hiện

Thực hiện trên môi trường điện tử thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh.

13.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Quyết định 1348/QĐ-UBND ngày 01/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh theo nội dung đơn giản hoá.

- Lộ trình thực hiện: Quý IV năm 2025 sửa đổi văn bản quy định nội dung TTHC; Năm 2026 thực hiện trên môi trường điện tử.

13.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giúp cắt giảm quy trình giải quyết TTHC; giảm thời gian thực hiện.
- Chi phí tiết kiệm thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 50.000 đồng/TTHC.
- Chi phí tiết kiệm: 350.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10 %.

14. Thủ tục: Phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết

14.1. Nội dung đơn giản hóa

* Cách thức thực hiện

Thực hiện trên môi trường điện tử thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh.

14.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Quyết định 1348/QĐ-UBND ngày 01/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh theo nội dung đơn giản hoá.

- Lộ trình thực hiện: Quý IV năm 2025 sửa đổi văn bản quy định nội dung TTHC; Năm 2026 thực hiện trên môi trường điện tử.

14.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giúp cắt giảm quy trình giải quyết TTHC; giảm thời gian thực hiện.
- Chi phí tiết kiệm thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 50.000 đồng/TTHC.
- Chi phí tiết kiệm: 350.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10 %.

15. Thủ tục: Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch

15.1. Nội dung đơn giản hóa

*** Cách thức thực hiện**

Thực hiện trên môi trường điện tử thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh.

15.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Quyết định 1348/QĐ-UBND ngày 01/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh theo nội dung đơn giản hoá.

- Lộ trình thực hiện: Quý IV năm 2025 sửa đổi văn bản quy định nội dung TTHC; Năm 2026 thực hiện trên môi trường điện tử.

15.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giúp cắt giảm quy trình giải quyết TTHC; giảm thời gian thực hiện.
- Chi phí tiết kiệm thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 50.000 đồng/TTHC.
- Chi phí tiết kiệm: 350.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10 %.

16. Thủ tục: Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch

16.1. Nội dung đơn giản hóa

*** Cách thức thực hiện**

Thực hiện trên môi trường điện tử thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh.

16.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Quyết định 1348/QĐ-UBND ngày 01/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh theo nội dung đơn giản hoá.

- Lộ trình thực hiện: Quý IV năm 2025 sửa đổi văn bản quy định nội dung TTHC; Năm 2026 thực hiện trên môi trường điện tử.

16.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giúp cắt giảm quy trình giải quyết TTHC; giảm thời gian thực hiện.
- Chi phí tiết kiệm thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 50.000 đồng/TTHC.
- Chi phí tiết kiệm: 350.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10 %.

17. Thủ tục: Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch trong trường hợp bị

mất, bị hủy hoại***17.1. Nội dung đơn giản hóa****** Cách thức thực hiện**

Thực hiện trên môi trường điện tử thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh.

17.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Quyết định 1348/QĐ-UBND ngày 01/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh theo nội dung đơn giản hoá.

- Lộ trình thực hiện: Quý IV năm 2025 sửa đổi văn bản quy định nội dung TTHC; Năm 2026 thực hiện trên môi trường điện tử.

17.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giúp cắt giảm quy trình giải quyết TTHC; giảm thời gian thực hiện.
- Chi phí tiết kiệm thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 50.000 đồng/TTHC.
- Chi phí tiết kiệm: 350.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10 %.

18. Thủ tục: Thanh toán chi phí từ việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch***18.1. Nội dung đơn giản hóa****** Cách thức thực hiện**

Thực hiện trên môi trường điện tử thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh.

18.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Quyết định 1348/QĐ-UBND ngày 01/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh theo nội dung đơn giản hoá.

- Lộ trình thực hiện: Quý IV năm 2025 sửa đổi văn bản quy định nội dung TTHC; Năm 2026 thực hiện trên môi trường điện tử.

18.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giúp cắt giảm quy trình giải quyết TTHC; giảm thời gian thực hiện.
- Chi phí tiết kiệm thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 50.000 đồng/TTHC.
- Chi phí tiết kiệm: 350.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10 %.

19. Thủ tục: Thanh toán chi phí từ việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch***19.1. Nội dung đơn giản hóa****** Cách thức thực hiện**

Thực hiện trên môi trường điện tử thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh.

19.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Quyết định 1348/QĐ-UBND ngày 01/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh theo nội dung đơn giản hoá.

- Lộ trình thực hiện: Quý IV năm 2025 sửa đổi văn bản quy định nội dung TTHC; Năm 2026 thực hiện trên môi trường điện tử.

19.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giúp cắt giảm quy trình giải quyết TTHC; giảm thời gian thực hiện.

- Chi phí tiết kiệm thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 50.000 đồng/TTHC.

- Chi phí tiết kiệm: 350.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10 %.

20. Thủ tục: Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

20.1. Nội dung đơn giản hóa

* Cách thức thực hiện

Thực hiện trên môi trường điện tử thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh.

20.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Quyết định 1348/QĐ-UBND ngày 01/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh theo nội dung đơn giản hoá.

- Lộ trình thực hiện: Quý IV năm 2025 sửa đổi văn bản quy định nội dung TTHC; Năm 2026 thực hiện trên môi trường điện tử.

20.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giúp cắt giảm quy trình giải quyết TTHC; giảm thời gian thực hiện.

- Chi phí tiết kiệm thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 50.000 đồng/TTHC.

- Chi phí tiết kiệm: 350.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10 %.

21. Thủ tục: Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

21.1. Nội dung đơn giản hóa

* Cách thức thực hiện

Thực hiện trên môi trường điện tử thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh.

21.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Quyết định 1348/QĐ-UBND ngày 01/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh theo nội dung đơn giản hoá.

- Lộ trình thực hiện: Quý IV năm 2025 sửa đổi văn bản quy định nội dung TTHC; Năm 2026 thực hiện trên môi trường điện tử.

21.2. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giúp cắt giảm quy trình giải quyết TTHC; giảm thời gian thực hiện.
- Chi phí tiết kiệm thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 50.000 đồng/TTHC.
- Chi phí tiết kiệm: 350.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10 %.

22. Thủ tục: Chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

22.1. Nội dung đơn giản hóa

* Cách thức thực hiện

Thực hiện trên môi trường điện tử thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh.

22.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Quyết định 1348/QĐ-UBND ngày 01/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh theo nội dung đơn giản hoá.

- Lộ trình thực hiện: Quý IV năm 2025 sửa đổi văn bản quy định nội dung TTHC; Năm 2026 thực hiện trên môi trường điện tử.

22.2. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giúp cắt giảm quy trình giải quyết TTHC; giảm thời gian thực hiện.
- Chi phí tiết kiệm thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 50.000 đồng/TTHC.
- Chi phí tiết kiệm: 350.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10 %.

23. Thủ tục: Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

23.1. Nội dung đơn giản hóa

* Cách thức thực hiện

Thực hiện trên môi trường điện tử thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh.

23.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Quyết định 1348/QĐ-UBND ngày 01/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh theo nội dung đơn giản hoá.

- Lộ trình thực hiện: Quý IV năm 2025 sửa đổi văn bản quy định nội dung TTHC; Năm 2026 thực hiện trên môi trường điện tử.

23.2. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giúp cắt giảm quy trình giải quyết TTHC; giảm thời gian thực hiện.
- Chi phí tiết kiệm thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 50.000 đồng/TTHC.

- Chi phí tiết kiệm: 350.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10 %.

24. Thủ tục: Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

24.1. Nội dung đơn giản hóa

* Cách thức thực hiện

Thực hiện trên môi trường điện tử thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh.

24.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Quyết định 1348/QĐ-UBND ngày 01/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh theo nội dung đơn giản hoá.

- Lộ trình thực hiện: Quý IV năm 2025 sửa đổi văn bản quy định nội dung TTHC; Năm 2026 thực hiện trên môi trường điện tử.

24.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giúp cắt giảm quy trình giải quyết TTHC; giảm thời gian thực hiện.
- Chi phí tiết kiệm thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 50.000 đồng/TTHC.
- Chi phí tiết kiệm: 350.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10 %.

25. Thủ tục: Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trong trường hợp cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao lại tài sản cho doanh nghiệp quản lý theo hình thức đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp

25.1. Nội dung đơn giản hóa

* Cách thức thực hiện

Thực hiện trên môi trường điện tử thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh.

25.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Quyết định 1348/QĐ-UBND ngày 01/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh theo nội dung đơn giản hoá.

- Lộ trình thực hiện: Quý IV năm 2025 sửa đổi văn bản quy định nội dung TTHC; Năm 2026 thực hiện trên môi trường điện tử.

25.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giúp cắt giảm quy trình giải quyết TTHC; giảm thời gian thực hiện.
- Chi phí tiết kiệm thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 50.000 đồng/TTHC.
- Chi phí tiết kiệm: 350.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10 %.

26. Thủ tục: Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trong

trường hợp cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao lại tài sản cho doanh nghiệp quản lý theo hình thức đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp

26.1. Nội dung đơn giản hóa

*** Cách thức thực hiện**

Thực hiện trên môi trường điện tử thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh.

26.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Quyết định 1348/QĐ-UBND ngày 01/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh theo nội dung đơn giản hoá.

- Lộ trình thực hiện: Quý IV năm 2025 sửa đổi văn bản quy định nội dung TTHC; Năm 2026 thực hiện trên môi trường điện tử.

26.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giúp cắt giảm quy trình giải quyết TTHC; giảm thời gian thực hiện.

- Chi phí tiết kiệm thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 50.000 đồng/TTHC.

- Chi phí tiết kiệm: 350.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10 %.

27. Thủ tục: Thanh toán chi phí từ việc khai thác/xử lý, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

27.1. Nội dung đơn giản hóa

*** Cách thức thực hiện**

Thực hiện trên môi trường điện tử thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh.

27.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Quyết định 1348/QĐ-UBND ngày 01/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh theo nội dung đơn giản hoá.

- Lộ trình thực hiện: Quý IV năm 2025 sửa đổi văn bản quy định nội dung TTHC; Năm 2026 thực hiện trên môi trường điện tử.

27.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giúp cắt giảm quy trình giải quyết TTHC; giảm thời gian thực hiện.

- Chi phí tiết kiệm thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 50.000 đồng/TTHC.

- Chi phí tiết kiệm: 350.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10 %.

28. Thủ tục: Quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ được đầu tư theo phương thức đối tác công tư

28.1. Nội dung đơn giản hóa

*** Cách thức thực hiện**

Thực hiện trên môi trường điện tử thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh.

28.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Quyết định 1348/QĐ-UBND ngày 01/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh theo nội dung đơn giản hoá.

- Lộ trình thực hiện: Quý IV năm 2025 sửa đổi văn bản quy định nội dung TTHC; Năm 2026 thực hiện trên môi trường điện tử.

28.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giúp cắt giảm quy trình giải quyết TTHC; giảm thời gian thực hiện.

- Chi phí tiết kiệm thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 50.000 đồng/TTHC.

- Chi phí tiết kiệm: 350.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10 %.

29. Thủ tục: Thành lập Quỹ phát triển đất

29.1. Nội dung đơn giản hóa

* Cách thức thực hiện

Thực hiện trên môi trường điện tử thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh.

29.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Quyết định 1348/QĐ-UBND ngày 01/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh theo nội dung đơn giản hoá.

- Lộ trình thực hiện: Quý IV năm 2025 sửa đổi văn bản quy định nội dung TTHC; Năm 2026 thực hiện trên môi trường điện tử.

29.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giúp cắt giảm quy trình giải quyết TTHC; giảm thời gian thực hiện.

- Chi phí tiết kiệm thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 50.000 đồng/TTHC.

- Chi phí tiết kiệm: 350.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10 %.

30. Thủ tục: Thực hiện ứng vốn

30.1. Nội dung đơn giản hóa

* Cách thức thực hiện

Thực hiện trên môi trường điện tử thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh.

30.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Quyết định 1348/QĐ-UBND ngày 01/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh theo nội dung đơn giản hoá.

- Lộ trình thực hiện: Quý IV năm 2025 sửa đổi văn bản quy định nội dung TTHC; Năm 2026 thực hiện trên môi trường điện tử.

30.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giúp cắt giảm quy trình giải quyết TTHC; giảm thời gian thực hiện.
- Chi phí tiết kiệm thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 50.000 đồng/TTHC.
- Chi phí tiết kiệm: 350.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10 %.

31. Thủ tục: Giao nhà, đất quy định tại các khoản 2, khoản 3 Điều 5 Nghị định số 108/2024/NĐ-CP cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương

31.1. Nội dung đơn giản hóa

* Cách thức thực hiện

Thực hiện trên môi trường điện tử thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh.

31.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Quyết định 1348/QĐ-UBND ngày 01/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh theo nội dung đơn giản hoá.

- Lộ trình thực hiện: Quý IV năm 2025 sửa đổi văn bản quy định nội dung TTHC; Năm 2026 thực hiện trên môi trường điện tử.

31.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giúp cắt giảm quy trình giải quyết TTHC; giảm thời gian thực hiện.
- Chi phí tiết kiệm thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 50.000 đồng/TTHC.
- Chi phí tiết kiệm: 350.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10 %.

32. Thủ tục: Giao nhà, đất quy định tại các khoản 5 Điều 5 Nghị định số 108/2024/NĐ-CP cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương

32.1. Nội dung đơn giản hóa

* Cách thức thực hiện

Thực hiện trên môi trường điện tử thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh.

32.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Quyết định 1348/QĐ-UBND ngày 01/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh theo nội dung đơn giản hoá.

- Lộ trình thực hiện: Quý IV năm 2025 sửa đổi văn bản quy định nội dung TTHC; Năm 2026 thực hiện trên môi trường điện tử.

32.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giúp cắt giảm quy trình giải quyết TTHC; giảm thời gian thực hiện.
- Chi phí tiết kiệm thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 50.000 đồng/TTHC.
- Chi phí tiết kiệm: 350.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10 %.

33. Thủ tục: Giao nhà, đất quy định tại các khoản 6 Điều 5 Nghị định số 108/2024/NĐ-CP (trừ nhà, đất đã có Quyết định giao, điều chuyển trực tiếp cho tổ chức quản lý, kinh doanh nhà) cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương

33.1. Nội dung đơn giản hóa

* Cách thức thực hiện

Thực hiện trên môi trường điện tử thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh.

33.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Quyết định 1348/QĐ-UBND ngày 01/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh theo nội dung đơn giản hoá.

- Lộ trình thực hiện: Quý IV năm 2025 sửa đổi văn bản quy định nội dung TTHC; Năm 2026 thực hiện trên môi trường điện tử.

33.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giúp cắt giảm quy trình giải quyết TTHC; giảm thời gian thực hiện.
- Chi phí tiết kiệm thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 50.000 đồng/TTHC.
- Chi phí tiết kiệm: 350.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10 %.

34. Thủ tục: Xác lập quyền sở hữu toàn dân và chuyển giao công trình điện được đầu tư theo phương thức đối tác công tư

34.1. Nội dung đơn giản hóa

* Cách thức thực hiện

Thực hiện trên môi trường điện tử thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh.

34.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Quyết định 1348/QĐ-UBND ngày 01/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh theo nội dung đơn giản hoá.

- Lộ trình thực hiện: Quý IV năm 2025 sửa đổi văn bản quy định nội dung TTHC; Năm 2026 thực hiện trên môi trường điện tử.

34.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giúp cắt giảm quy trình giải quyết TTHC; giảm thời gian thực hiện.
- Chi phí tiết kiệm thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 50.000 đồng/TTHC.

- Chi phí tiết kiệm: 350.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10 %.

35. Thủ tục: Quyết định sử dụng tài sản công để tham gia dự án đầu tư theo hình thức đối tác công - tư

35.1. Nội dung đơn giản hóa

* Cách thức thực hiện

Thực hiện trên môi trường điện tử thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh.

35.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Quyết định 1348/QĐ-UBND ngày 01/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh theo nội dung đơn giản hoá.

- Lộ trình thực hiện: Quý IV năm 2025 sửa đổi văn bản quy định nội dung TTHC; Năm 2026 thực hiện trên môi trường điện tử.

35.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giúp cắt giảm quy trình giải quyết TTHC; giảm thời gian thực hiện.
- Chi phí tiết kiệm thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 50.000 đồng/TTHC.
- Chi phí tiết kiệm: 350.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10 %.

36. Thủ tục: Thanh toán chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản công

36.1. Nội dung đơn giản hóa

* Cách thức thực hiện

Thực hiện trên môi trường điện tử thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh.

36.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Quyết định 1348/QĐ-UBND ngày 01/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh theo nội dung đơn giản hoá.

- Lộ trình thực hiện: Quý IV năm 2025 sửa đổi văn bản quy định nội dung TTHC; Năm 2026 thực hiện trên môi trường điện tử.

36.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giúp cắt giảm quy trình giải quyết TTHC; giảm thời gian thực hiện.
- Chi phí tiết kiệm thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 50.000 đồng/TTHC.
- Chi phí tiết kiệm: 350.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10 %.

37. Thủ tục: Giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa

37.1. Nội dung đơn giản hóa

*** Cách thức thực hiện**

Thực hiện trên môi trường điện tử thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh.

37.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Quyết định 1348/QĐ-UBND ngày 01/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh theo nội dung đơn giản hoá.

- Lộ trình thực hiện: Quý IV năm 2025 sửa đổi văn bản quy định nội dung TTHC; Năm 2026 thực hiện trên môi trường điện tử.

37.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giúp cắt giảm quy trình giải quyết TTHC; giảm thời gian thực hiện.

- Chi phí tiết kiệm thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 50.000 đồng/TTHC.

- Chi phí tiết kiệm: 350.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10 %.

38. Thủ tục: Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa

38.1. Nội dung đơn giản hóa

*** Cách thức thực hiện**

Thực hiện trên môi trường điện tử thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh.

38.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Quyết định 1348/QĐ-UBND ngày 01/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh theo nội dung đơn giản hoá.

- Lộ trình thực hiện: Quý IV năm 2025 sửa đổi văn bản quy định nội dung TTHC; Năm 2026 thực hiện trên môi trường điện tử.

38.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giúp cắt giảm quy trình giải quyết TTHC; giảm thời gian thực hiện.

- Chi phí tiết kiệm thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 50.000 đồng/TTHC.

- Chi phí tiết kiệm: 350.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10 %.

39. Thủ tục: Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa

39.1. Nội dung đơn giản hóa

*** Cách thức thực hiện**

Thực hiện trên môi trường điện tử thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh.

39.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Quyết định 1348/QĐ-UBND ngày 01/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh theo nội dung đơn giản hoá.

- Lộ trình thực hiện: Quý IV năm 2025 sửa đổi văn bản quy định nội dung TTHC; Năm 2026 thực hiện trên môi trường điện tử.

39.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giúp cắt giảm quy trình giải quyết TTHC; giảm thời gian thực hiện.
- Chi phí tiết kiệm thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 50.000 đồng/TTHC.
- Chi phí tiết kiệm: 350.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10 %.

40. Thủ tục: Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa

40.1. Nội dung đơn giản hóa

* Cách thức thực hiện

Thực hiện trên môi trường điện tử thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh.

40.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Quyết định 1348/QĐ-UBND ngày 01/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh theo nội dung đơn giản hoá.

- Lộ trình thực hiện: Quý IV năm 2025 sửa đổi văn bản quy định nội dung TTHC; Năm 2026 thực hiện trên môi trường điện tử.

40.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giúp cắt giảm quy trình giải quyết TTHC; giảm thời gian thực hiện.
- Chi phí tiết kiệm thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 50.000 đồng/TTHC.
- Chi phí tiết kiệm: 350.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10 %.

41. Thủ tục: Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa

41.1. Nội dung đơn giản hóa

* Cách thức thực hiện

Thực hiện trên môi trường điện tử thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh.

41.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Quyết định 1348/QĐ-UBND ngày 01/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh theo nội dung đơn giản hoá.

- Lộ trình thực hiện: Quý IV năm 2025 sửa đổi văn bản quy định nội dung TTHC; Năm 2026 thực hiện trên môi trường điện tử.

41.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giúp cắt giảm quy trình giải quyết TTHC; giảm thời gian thực hiện.
- Chi phí tiết kiệm thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 50.000 đồng/TTHC.
- Chi phí tiết kiệm: 350.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10 %.

42. Thủ tục: Chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa

42.1. Nội dung đơn giản hóa

* Cách thức thực hiện

Thực hiện trên môi trường điện tử thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh.

42.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Quyết định 1348/QĐ-UBND ngày 01/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh theo nội dung đơn giản hoá.

- Lộ trình thực hiện: Quý IV năm 2025 sửa đổi văn bản quy định nội dung TTHC; Năm 2026 thực hiện trên môi trường điện tử.

42.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giúp cắt giảm quy trình giải quyết TTHC; giảm thời gian thực hiện.
- Chi phí tiết kiệm thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 50.000 đồng/TTHC.
- Chi phí tiết kiệm: 350.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10 %.

43. Thủ tục: Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa

43.1. Nội dung đơn giản hóa

* Cách thức thực hiện

Thực hiện trên môi trường điện tử thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh.

43.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Quyết định 1348/QĐ-UBND ngày 01/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh theo nội dung đơn giản hoá.

- Lộ trình thực hiện: Quý IV năm 2025 sửa đổi văn bản quy định nội dung TTHC; Năm 2026 thực hiện trên môi trường điện tử.

43.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giúp cắt giảm quy trình giải quyết TTHC; giảm thời gian thực hiện.
- Chi phí tiết kiệm thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 50.000 đồng/TTHC.
- Chi phí tiết kiệm: 350.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10 %.

44. Thủ tục: Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa trong trường hợp bị

mất, bị hủy hoại***44.1. Nội dung đơn giản hóa****** Cách thức thực hiện**

Thực hiện trên môi trường điện tử thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh.

44.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Quyết định 1348/QĐ-UBND ngày 01/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh theo nội dung đơn giản hoá.

- Lộ trình thực hiện: Quý IV năm 2025 sửa đổi văn bản quy định nội dung TTHC; Năm 2026 thực hiện trên môi trường điện tử.

44.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giúp cắt giảm quy trình giải quyết TTHC; giảm thời gian thực hiện.
- Chi phí tiết kiệm thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 50.000 đồng/TTHC.
- Chi phí tiết kiệm: 350.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10 %.

45. Thủ tục: Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa***45.1. Nội dung đơn giản hóa****** Cách thức thực hiện**

Thực hiện trên môi trường điện tử thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh.

45.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Quyết định 1348/QĐ-UBND ngày 01/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh theo nội dung đơn giản hoá.

- Lộ trình thực hiện: Quý IV năm 2025 sửa đổi văn bản quy định nội dung TTHC; Năm 2026 thực hiện trên môi trường điện tử.

45.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giúp cắt giảm quy trình giải quyết TTHC; giảm thời gian thực hiện.
- Chi phí tiết kiệm thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 50.000 đồng/TTHC.
- Chi phí tiết kiệm: 350.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10 %.

46. Thủ tục: Quản lý, sử dụng tài sản KCHT đường thủy nội địa được đầu tư theo phương thức đối tác công tư***46.1. Nội dung đơn giản hóa****** Cách thức thực hiện**

Thực hiện trên môi trường điện tử thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh.

46.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Quyết định 1348/QĐ-UBND ngày 01/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh theo nội dung đơn giản hoá.

- Lộ trình thực hiện: Quý IV năm 2025 sửa đổi văn bản quy định nội dung TTHC; Năm 2026 thực hiện trên môi trường điện tử.

46.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giúp cắt giảm quy trình giải quyết TTHC; giảm thời gian thực hiện.

- Chi phí tiết kiệm thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 50.000 đồng/TTHC.

- Chi phí tiết kiệm: 350.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10 %.

47. Thủ tục: Lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản

47.1. Nội dung đơn giản hóa

* Cách thức thực hiện

Thực hiện trên môi trường điện tử thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh.

47.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Quyết định 1348/QĐ-UBND ngày 01/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh theo nội dung đơn giản hoá.

- Lộ trình thực hiện: Quý IV năm 2025 sửa đổi văn bản quy định nội dung TTHC; Năm 2026 thực hiện trên môi trường điện tử.

47.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giúp cắt giảm quy trình giải quyết TTHC; giảm thời gian thực hiện.

- Chi phí tiết kiệm thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 50.000 đồng/TTHC.

- Chi phí tiết kiệm: 350.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10 %.

48. Thủ tục: Thanh toán các khoản chi liên quan đến quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân

48.1. Nội dung đơn giản hóa

* Cách thức thực hiện

Thực hiện trên môi trường điện tử thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh.

48.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Quyết định 1348/QĐ-UBND ngày 01/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh theo nội dung đơn giản hoá.

- Lộ trình thực hiện: Quý IV năm 2025 sửa đổi văn bản quy định nội dung TTHC; Năm 2026 thực hiện trên môi trường điện tử.

48.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giúp cắt giảm quy trình giải quyết TTHC; giảm thời gian thực hiện.
- Chi phí tiết kiệm thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 50.000 đồng/TTHC.
- Chi phí tiết kiệm: 350.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10 %.

49. Thủ tục: Thanh toán chi thưởng cho tổ chức, cá nhân phát hiện tài sản đối với tài sản chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm

49.1. Nội dung đơn giản hóa

* Cách thức thực hiện

Thực hiện trên môi trường điện tử thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh.

49.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Quyết định 1348/QĐ-UBND ngày 01/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh theo nội dung đơn giản hoá.

- Lộ trình thực hiện: Quý IV năm 2025 sửa đổi văn bản quy định nội dung TTHC; Năm 2026 thực hiện trên môi trường điện tử.

49.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giúp cắt giảm quy trình giải quyết TTHC; giảm thời gian thực hiện.
- Chi phí tiết kiệm thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 50.000 đồng/TTHC.
- Chi phí tiết kiệm: 350.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10 %.

50. Thủ tục: Thanh toán phần giá trị tài sản cho tổ chức, cá nhân phát hiện tài sản đối với tài sản chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm, tài sản bị đánh rơi, bỏ quên

50.1. Nội dung đơn giản hóa

* Cách thức thực hiện

Thực hiện trên môi trường điện tử thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh.

50.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Quyết định 1348/QĐ-UBND ngày 01/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh theo nội dung đơn giản hoá.

- Lộ trình thực hiện: Quý IV năm 2025 sửa đổi văn bản quy định nội dung TTHC; Năm 2026 thực hiện trên môi trường điện tử.

50.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giúp cắt giảm quy trình giải quyết TTHC; giảm thời gian thực hiện.

- Chi phí tiết kiệm thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 50.000 đồng/TTHC.
- Chi phí tiết kiệm: 350.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10 %.

51. Thủ tục: Thẩm định quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo năm ngân sách

51.1. Nội dung đơn giản hóa

* Cách thức thực hiện

Thực hiện trên môi trường điện tử thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh.

51.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Quyết định 1348/QĐ-UBND ngày 01/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh theo nội dung đơn giản hoá.

- Lộ trình thực hiện: Quý IV năm 2025 sửa đổi văn bản quy định nội dung TTHC; Năm 2026 thực hiện trên môi trường điện tử.

51.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tiết kiệm thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 50.000 đồng/TTHC.
- Chi phí tiết kiệm: 350.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10 %.

52. Thủ tục: Thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành sử dụng vốn đầu tư công

52.1. Nội dung đơn giản hóa

* Cách thức thực hiện

Thực hiện trên môi trường điện tử thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh.

52.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Quyết định 1348/QĐ-UBND ngày 01/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh theo nội dung đơn giản hoá..

- Lộ trình thực hiện: Quý IV năm 2025 sửa đổi văn bản quy định nội dung TTHC; Năm 2026 thực hiện trên môi trường điện tử.

52.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tiết kiệm thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 50.000 đồng/TTHC.
- Chi phí tiết kiệm: 350.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10 %.

53. Thủ tục: Quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C

53.1. Nội dung đơn giản hóa

* Cách thức thực hiện

Thực hiện trên môi trường điện tử thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh.

* Giảm số lượng hồ sơ còn 01 bộ.

- Lý do:

- Khi thực hiện hồ sơ trên môi trường điện tử, hồ sơ được luân chuyển và xử lý trên môi trường điện tử nên việc chuẩn bị 01 bộ hồ sơ là phù hợp.

53.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Quyết định 1348/QĐ-UBND ngày 01/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh theo nội dung đơn giản hoá.

- Lộ trình thực hiện: Quý IV năm 2025 sửa đổi văn bản quy định nội dung TTHC; Năm 2026 thực hiện trên môi trường điện tử.

53.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tiết kiệm thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 50.000 đồng/TTHC.

- Chi phí tiết kiệm: 350.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10 %.

54. Thủ tục: Quyết định đầu tư dự án nhóm A, B, C

54.1. Nội dung đơn giản hóa

* Cách thức thực hiện

Thực hiện trên môi trường điện tử thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh.

* Giảm số lượng hồ sơ còn 01 bộ.

- Lý do:

- Khi thực hiện hồ sơ trên môi trường điện tử, hồ sơ được luân chuyển và xử lý trên môi trường điện tử nên việc chuẩn bị 01 bộ hồ sơ là phù hợp.

54.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Quyết định 1348/QĐ-UBND ngày 01/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh theo nội dung đơn giản hoá.

- Lộ trình thực hiện: Quý IV năm 2025 sửa đổi văn bản quy định nội dung TTHC; Năm 2026 thực hiện trên môi trường điện tử.

54.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tiết kiệm thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 50.000 đồng/TTHC.

- Chi phí tiết kiệm: 350.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10 %.

55. Thủ tục: Quyết định đầu tư dự án đầu tư công khẩn cấp

55.1. Nội dung đơn giản hóa

* Cách thức thực hiện

Thực hiện trên môi trường điện tử thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh.

* Giảm số lượng hồ sơ còn 01 bộ.

- Lý do:

- Khi thực hiện hồ sơ trên môi trường điện tử, hồ sơ được luân chuyển và xử lý trên môi trường điện tử nên việc chuẩn bị 01 bộ hồ sơ là phù hợp.

55.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Quyết định 1348/QĐ-UBND ngày 01/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh theo nội dung đơn giản hoá.

- Lộ trình thực hiện: Quý IV năm 2025 sửa đổi văn bản quy định nội dung TTHC; Năm 2026 thực hiện trên môi trường điện tử.

55.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tiết kiệm thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 50.000 đồng/TTHC.

- Chi phí tiết kiệm: 350.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10 %.

56. Thủ tục: Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư

56.1. Nội dung đơn giản hóa

* Cách thức thực hiện

Thực hiện trên môi trường điện tử thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh.

* Giảm số lượng hồ sơ còn 01 bộ.

- Lý do:

- Khi thực hiện hồ sơ trên môi trường điện tử, hồ sơ được luân chuyển và xử lý trên môi trường điện tử nên việc chuẩn bị 01 bộ hồ sơ là phù hợp.

56.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Quyết định 1348/QĐ-UBND ngày 01/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh theo nội dung đơn giản hoá.

- Lộ trình thực hiện: Quý IV năm 2025 sửa đổi văn bản quy định nội dung TTHC; Năm 2026 thực hiện trên môi trường điện tử.

56.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tiết kiệm thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 50.000 đồng/TTHC.

- Chi phí tiết kiệm: 350.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10 %.

57. Thủ tục: Quyết định đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư

57.1. Nội dung đơn giản hóa

*** Cách thức thực hiện**

Thực hiện trên môi trường điện tử thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh.

* Giảm số lượng hồ sơ còn 01 bộ.

- Lý do:

- Khi thực hiện hồ sơ trên môi trường điện tử, hồ sơ được luân chuyển và xử lý trên môi trường điện tử nên việc chuẩn bị 01 bộ hồ sơ là phù hợp.

57.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Quyết định 1348/QĐ-UBND ngày 01/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh theo nội dung đơn giản hoá.

- Lộ trình thực hiện: Quý IV năm 2025 sửa đổi văn bản quy định nội dung TTHC; Năm 2026 thực hiện trên môi trường điện tử.

57.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tiết kiệm thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 50.000 đồng/TTHC.

- Chi phí tiết kiệm: 350.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10 %.

58. Thủ tục: Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

58.1. Nội dung đơn giản hóa

*** Cách thức thực hiện**

Thực hiện trên môi trường điện tử thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh.

* Số lượng hồ sơ còn 01 bộ.

- Lý do:

- Khi thực hiện hồ sơ trên môi trường điện tử, hồ sơ được luân chuyển và xử lý trên môi trường điện tử nên việc chuẩn bị 01 bộ hồ sơ là phù hợp.

58.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Quyết định 1348/QĐ-UBND ngày 01/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh theo nội dung đơn giản hoá.

- Lộ trình thực hiện: Quý IV năm 2025 sửa đổi văn bản quy định nội dung TTHC; Năm 2026 thực hiện trên môi trường điện tử.

58.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tiết kiệm thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 50.000 đồng/TTHC.

- Chi phí tiết kiệm: 350.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10 %.

59. Thủ tục: Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

59.1. Nội dung đơn giản hóa

* Cách thức thực hiện

Thực hiện trên môi trường điện tử thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tinh.

* Số lượng hồ sơ còn 01 bộ.

- Lý do:

- Khi thực hiện hồ sơ trên môi trường điện tử, hồ sơ được luân chuyển và xử lý trên môi trường điện tử nên việc chuẩn bị 01 bộ hồ sơ là phù hợp.

59.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Quyết định 1348/QĐ-UBND ngày 01/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh theo nội dung đơn giản hoá.

- Lộ trình thực hiện: Quý IV năm 2025 sửa đổi văn bản quy định nội dung TTHC; Năm 2026 thực hiện trên môi trường điện tử.

59.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tiết kiệm thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 50.000 đồng/TTHC.

- Chi phí tiết kiệm: 350.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10 %.

60. Thủ tục: Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (sau đây gọi là dự án PPP) do cơ quan có thẩm quyền lập (cấp tỉnh)

60.1. Nội dung đơn giản hóa

* Cách thức thực hiện

Thực hiện trên môi trường điện tử thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tinh.

* Giảm số lượng hồ sơ giảm từ 10 bộ còn 02 bộ.

- Lý do: Khi thực hiện hồ sơ trên môi trường điện tử, hồ sơ được luân chuyển và xử lý trên môi trường điện tử nên việc chuẩn bị 02 bộ hồ sơ là phù hợp.

60.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Quyết định 1348/QĐ-UBND ngày 01/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh theo nội dung đơn giản hoá.

60.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tiết kiệm thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 300.000 đồng/TTHC.

- Chi phí tiết kiệm: 2.100.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 60 %.

61. Thủ tục: Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt dự án PPP do cơ quan có thẩm quyền lập (cấp tỉnh)

61.1. Nội dung đơn giản hóa

*** Cách thức thực hiện**

Thực hiện trên môi trường điện tử thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh.

* Giảm số lượng hồ sơ giảm từ 10 bộ còn 02 bộ.

- Lý do: Khi thực hiện hồ sơ trên môi trường điện tử, hồ sơ được luân chuyển và xử lý trên môi trường điện tử nên việc chuẩn bị 02 bộ hồ sơ là phù hợp.

61.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Quyết định 1348/QĐ-UBND ngày 01/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh theo nội dung đơn giản hoá.

61.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tiết kiệm thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 300.000 đồng/TTHC.

- Chi phí tiết kiệm: 2.100.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 60 %.

62. Thủ tục: Thẩm định nội dung điều chỉnh chủ trương đầu tư, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP do cơ quan có thẩm quyền lập (cấp tỉnh)

62.1. Nội dung đơn giản hóa

*** Cách thức thực hiện**

Thực hiện trên môi trường điện tử thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh.

* Giảm số lượng hồ sơ giảm từ 10 bộ còn 02 bộ.

- Lý do: Khi thực hiện hồ sơ trên môi trường điện tử, hồ sơ được luân chuyển và xử lý trên môi trường điện tử nên việc chuẩn bị 02 bộ hồ sơ là phù hợp.

62.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Quyết định 1348/QĐ-UBND ngày 01/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh theo nội dung đơn giản hoá.

62.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tiết kiệm thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 300.000 đồng/TTHC.

- Chi phí tiết kiệm: 2.100.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 60 %.

63. Thủ tục: Thẩm định nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án PPP do cơ quan có thẩm quyền lập (cấp tỉnh)

63.1. Nội dung đơn giản hóa

- Giảm số lượng hồ sơ giảm từ 10 bộ còn 02 bộ.

* Lý do:

- Khi thực hiện hồ sơ trên môi trường điện tử, hồ sơ được luân chuyển và xử lý trên môi trường điện tử nên việc chuẩn bị 02 bộ hồ sơ là phù hợp.

63.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Quyết định 986/QĐ-UBND ngày 06/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh theo nội dung đơn giản hoá.

63.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tiết kiệm thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 300.000 đồng/TTHC.

- Chi phí tiết kiệm: 2.100.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 60 %.

64. Thủ tục: Kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng

64.1. Nội dung đơn giản hóa

* Cách thức thực hiện

Thực hiện trên môi trường điện tử thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh.

64.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Quyết định 1348/QĐ-UBND ngày 01/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh theo nội dung đơn giản hoá.

- Lộ trình thực hiện: Quý IV năm 2025 sửa đổi văn bản quy định nội dung TTHC; Năm 2026 thực hiện trên môi trường điện tử.

64.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tiết kiệm thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 50.000 đồng/TTHC.

- Chi phí tiết kiệm: 350.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10 %.

65. Thủ tục: Kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng hằng năm

65.1. Nội dung đơn giản hóa

* Cách thức thực hiện

Thực hiện trên môi trường điện tử thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh.

65.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Quyết định 1348/QĐ-UBND ngày 01/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh theo nội dung đơn giản hoá.

- Lộ trình thực hiện: Quý IV năm 2025 sửa đổi văn bản quy định nội dung TTHC; Năm 2026 thực hiện trên môi trường điện tử.

65.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tiết kiệm thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 50.000 đồng/TTHC.
- Chi phí tiết kiệm: 350.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10 %.

66. Thủ tục: Quyết định chủ trương đầu tư các dự án đầu tư nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài

66.1. Nội dung đơn giản hóa

* Cách thức thực hiện

Thực hiện trên môi trường điện tử thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh.

66.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Quyết định 1348/QĐ-UBND ngày 01/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh theo nội dung đơn giản hoá.

- Lộ trình thực hiện: Quý IV năm 2025 sửa đổi văn bản quy định nội dung TTHC; Năm 2026 thực hiện trên môi trường điện tử.

66.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tiết kiệm thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 50.000 đồng/TTHC.
- Chi phí tiết kiệm: 350.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10 %.

67. Thủ tục: Thành lập doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập

67.1. Nội dung đơn giản hóa

* Cách thức thực hiện

- Thực hiện trực tuyến trên môi trường điện tử
- Giảm số lượng hồ sơ từ 03 bộ còn 01 bộ.

* Lý do:

- Khi thực hiện hồ sơ trên môi trường điện tử, hồ sơ được luân chuyển và xử lý trên môi trường điện tử nên việc yêu cầu phải nộp 03 bộ hồ sơ là không phù hợp.

67.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Quyết định 1348/QĐ-UBND ngày 01/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh theo nội dung đơn giản hoá.

- Lộ trình thực hiện: Quý IV năm 2025 sửa đổi văn bản quy định nội dung TTHC; Năm 2026 thực hiện trên môi trường điện tử.

67.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giảm giấy tờ đơn vị phải chuẩn bị để hoàn thiện hồ sơ theo quy định.
- Chi phí tiết kiệm thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 50.000 đồng/TTHC.
- Chi phí tiết kiệm: 350.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10 %.

68. Thủ tục: Hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập hoặc được giao quản lý

68.1. Nội dung đơn giản hóa

* Cách thức thực hiện

- Thực hiện trên môi trường điện tử thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh.

68.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Quyết định 1348/QĐ-UBND ngày 01/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh theo nội dung đơn giản hoá.

- Lộ trình thực hiện: Quý IV năm 2025 sửa đổi văn bản quy định nội dung TTHC; Năm 2026 thực hiện trên môi trường điện tử.

68.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giảm giấy tờ đơn vị phải chuẩn bị để hoàn thiện hồ sơ theo quy định.
- Chi phí tiết kiệm thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 50.000 đồng/TTHC.
- Chi phí tiết kiệm: 350.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10 %.

69. Thủ tục: Tạm ngừng, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh tại doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc giao quản lý)

69.1. Nội dung đơn giản hóa

* Cách thức thực hiện

- Thực hiện trên môi trường điện tử

69.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Quyết định 1348/QĐ-UBND ngày 01/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh theo nội dung đơn giản hoá.

- Lộ trình thực hiện: Quý IV năm 2025 sửa đổi văn bản quy định nội dung TTHC; Năm 2026 thực hiện trên môi trường điện tử.

69.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giảm giấy tờ đơn vị phải chuẩn bị để hoàn thiện hồ sơ theo quy định.
- Chi phí tiết kiệm thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 50.000 đồng/TTHC.
- Chi phí tiết kiệm: 350.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10 %.

VII. Thủ tục hành chính thuộc chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Thủ tục thực hiện giám định chất lượng và giá trị máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ trong dự án đầu tư.

1.1. Nội dung đơn giản hóa

- Cắt giảm thời gian thực hiện:

+ Trường hợp không thông qua tổ chức giám định được chỉ định: Từ 65 ngày xuống còn 62 ngày.

+ Trường hợp phải thực hiện giám định thông qua tổ chức giám định được chỉ định: Từ 110 ngày xuống còn 105 ngày.

1.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Quyết định số 1348/QĐ-UBND ngày 01/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh về việc chuẩn hóa danh mục thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

- Lộ trình thực hiện: năm 2026.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giảm 5 % thời gian giải quyết TTHC.

2. Thủ tục bổ nhiệm giám định viên tư pháp trong hoạt động khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

2.1. Nội dung đơn giản hóa

- Cắt giảm thời gian thực hiện: Từ 20 ngày xuống còn 18 ngày.

2.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Quyết định số 1348/QĐ-UBND ngày 01/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh về việc chuẩn hóa danh mục thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

- Lộ trình thực hiện: năm 2026.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giảm 10 % thời gian giải quyết TTHC.

3. Thủ tục miễn nhiệm giám định viên tư pháp trong hoạt động khoa học và công nghệ cấp tỉnh

3.1. Nội dung đơn giản hóa

- Cắt giảm thời gian thực hiện: Từ 10 ngày xuống còn 09 ngày.

3.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Quyết định số 1348/QĐ-UBND ngày 01/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh về việc chuẩn hóa danh mục thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

- Lộ trình thực hiện: năm 2026.

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giảm 10 % thời gian giải quyết TTHC.

4. Thủ tục thành lập sàn giao dịch công nghệ vùng.

4.1. Nội dung đơn giản hóa

- Cắt giảm thời gian thực hiện: Từ 45 ngày xuống còn 42 ngày.

4.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Quyết định số 1348/QĐ-UBND ngày 01/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh về việc chuẩn hóa danh mục thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

- Lộ trình thực hiện: năm 2026.

4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giảm 7 % thời gian giải quyết TTHC.

5. Thủ tục hỗ trợ sử dụng dịch vụ truy nhập Internet băng rộng cố định mặt đất tại các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, trạm y tế xã và điểm cung cấp dịch vụ Internet băng rộng cho cộng đồng dân cư phục vụ đồng bào dân tộc thiểu số.

5.1. Nội dung đơn giản hóa

- Cắt giảm thời gian thực hiện: Từ 10 ngày xuống còn 09 ngày.

5.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Quyết định số 1348/QĐ-UBND ngày 01/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh về việc chuẩn hóa danh mục thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

- Lộ trình thực hiện: năm 2026.

5.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giảm 10 % thời gian giải quyết TTHC.

VII. Thủ tục hành chính thuộc chức năng quản lý của Sở Nội vụ

A. Lĩnh vực Xây dựng Chính quyền

1. Thủ tục Phân loại đơn vị hành chính cấp xã

1.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC NB, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC NB)

- Sửa đổi quy định về trình tự, các cơ quan thực hiện TTHC

Lý do: Trình tự các bước thực hiện TTHC, cơ quan tham gia giải quyết TTHC không còn phù hợp với chính quyền địa phương 2 cấp, cụ thể: cơ quan thực hiện TTHC vẫn còn các cơ quan Phòng Nội vụ, UBND cấp huyện.

1.2. Kiến nghị thực thi:

Đề nghị Bộ Nội vụ công bố sửa đổi, bổ sung TTHC nội bộ

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

TTHC nội bộ ban hành đảm bảo phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Thủ tục thẩm định thành lập thôn mới, tổ dân phố mới

2.1. Nội dung đơn giản hóa

- Sửa đổi quy định về trình tự, các cơ quan thực hiện TTHC

Lý do: Trình tự các bước thực hiện TTHC, cơ quan tham gia giải quyết TTHC không còn phù hợp với chính quyền địa phương 2 cấp, cụ thể: cơ quan thực hiện TTHC vẫn còn các cơ quan Phòng Nội vụ, UBND cấp huyện.

- Điều chỉnh cơ quan có thẩm quyền quyết định (cơ quan có thẩm quyền quyết định là HĐND cấp xã);

Lý do: Theo quy định tại Thông tư 04/2012/TT-BNV hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố do Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành, cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập thôn mới, tổ dân phố mới là Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. Tuy nhiên theo quy định tại điểm d, khoản 2 Điều 21 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72 năm 2025 "thẩm quyền thành lập, chia tách, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân xã".

Do vậy, đề nghị sửa đổi trình tự thực hiện TTHC, cơ quan tham gia giải quyết TTHC.

2.2. Kiến nghị thực thi:

Đề nghị Bộ Nội vụ công bố sửa đổi bổ sung TTHC nội bộ

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- TTHC nội bộ ban hành đảm bảo phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và phù hợp với quy định của pháp luật.

B. Lĩnh vực Công chức viên chức

1. Thủ tục Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức

1.1. Nội dung đơn giản hóa

Bổ sung mẫu đơn, tờ khai: Sơ yếu lý lịch viên chức

- **Lý do:** Không ban hành mẫu hồ sơ cụ thể sẽ gây mất nhiều thời gian cho viên chức, đơn vị hoàn thiện hồ sơ; việc ban hành mẫu cũng giúp cho cơ quan có thẩm quyền rút ngắn thời gian kiểm tra hồ sơ.

1.2. Kiến nghị thực thi:

- Khoản 1 Điều 36 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức. Mẫu Sơ yếu lý lịch thực hiện theo Thông tư số 07/2019/TT-BNV ngày 01/6/2019 của Bộ Nội vụ Quy định về chế độ báo cáo thống kê và quản lý hồ sơ viên chức.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 9.000.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 7.800.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 1.200.000.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,33 %.

2. Thủ tục Xét chuyển chức danh nghề nghiệp viên chức

2.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Đề nghị bổ sung trình tự thực hiện, nêu cụ thể các bước thực hiện

Lý do: Thủ tục chuyển chức danh nghề nghiệp viên chức đang được thực hiện theo quy định tại Luật viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức..

Trình tự các bước thực hiện, cơ quan tham mưu và thời hạn giải quyết TTHC, hồ sơ giải quyết TTHC chưa được quy định cụ thể. Để đảm bảo thủ tục được thực hiện theo hướng công khai, thuận tiện cho cá nhân, tổ chức thực hiện TTHC, minh bạch đối với cơ quan tham mưu, cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC, đề nghị Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 115/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ.

2.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi bổ sung Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2025-2026

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

Đảm bảo thủ tục được thực hiện theo hướng công khai, thuận tiện cho cá nhân, tổ chức thực hiện TTHC, minh bạch đối với cơ quan tham mưu, cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC.

C. Lĩnh vực tổ chức, biên chế

1. Thủ tục thẩm định đề án vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1.1. Nội dung đơn giản hóa

- Về thời gian giải quyết: Đề nghị giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính từ 40 ngày làm việc xuống còn 35 ngày làm việc.

- Lý do: Cơ sở hạ tầng vật chất, thiết bị đa phương tiện ngày càng hiện đại phục vụ thuận lợi cho thời gian giải quyết TTHC; trình độ năng lực của cán bộ công chức ngày càng nâng cao, cắt giảm thời gian giải quyết TTHC nhằm khuyến khích cán bộ công chức phát huy hiệu quả, thời gian, tiến độ giải quyết TTHC nhanh chóng kịp thời phục vụ tốt quá trình giải quyết TTHC theo quy định.

1.2. Kiến nghị thực thi

- Đề nghị sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 8 Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết TTHC trước khi đơn giản hóa: 05 ngày làm việc/lần thực hiện TTHC.

Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15.040.000 đồng/ 1 thủ tục

Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 13.160.000 đồng/ 1 thủ tục

Chi phí tiết kiệm: 1.880.000 đồng/1 thủ tục.

Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 12,5 %.

2. Thủ tục thẩm định điều chỉnh vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

2.1. Nội dung đơn giản hóa

- Về thời gian giải quyết: Đề nghị giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính từ 25 ngày làm việc xuống còn 20 ngày làm việc.

- Lý do: Cơ sở hạ tầng vật chất, thiết bị đa phương tiện ngày càng hiện đại phục vụ thuận lợi cho thời gian giải quyết TTHC; trình độ năng lực của cán bộ công chức ngày càng nâng cao, cắt giảm thời gian giải quyết TTHC nhằm khuyến khích cán bộ công chức phát huy hiệu quả, thời gian, tiến độ giải quyết TTHC nhanh chóng kịp thời phục vụ tốt quá trình giải quyết TTHC theo quy định.

2.2. Kiến nghị thực thi

- Đề nghị sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 8 Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết TTHC trước khi đơn giản hóa: 05 ngày làm việc/lần thực hiện TTHC.

Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 9.400.000 đồng/ 1 thủ tục

Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 7.520.000 đồng/ 1 thủ tục

Chi phí tiết kiệm: 1.880.000 đồng/ 1 thủ tục.

Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20 %.

3. Thủ tục thẩm định đề án vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp tỉnh

3.1. Nội dung đơn giản hóa

- Về thời gian giải quyết: Đề nghị giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính từ 40 ngày làm việc xuống còn 35 ngày làm việc.

- Lý do: Cơ sở hạ tầng vật chất, thiết bị đa phương tiện ngày càng hiện đại phục vụ thuận lợi cho thời gian giải quyết TTHC; trình độ năng lực của cán bộ công chức ngày càng nâng cao, cắt giảm thời gian giải quyết TTHC nhằm khuyến khích cán bộ công chức phát huy hiệu quả, thời gian, tiến độ giải quyết TTHC nhanh chóng kịp thời phục vụ tốt quá trình giải quyết TTHC theo quy định.

3.2. Kiến nghị thực thi

- Đề nghị sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 7 Nghị định 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết TTHC trước khi đơn giản hóa: 05 ngày làm việc/lần thực hiện TTHC.

Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15.040.000 đồng/ 1 thủ tục

Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 13.160.000 đồng/ 1 thủ tục

Chi phí tiết kiệm: 1.880.000 đồng/ 1 thủ tục.

Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 12,5 %.

4. Thủ tục thẩm định điều chỉnh vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp tỉnh

4.1. Nội dung đơn giản hóa

- Về thời gian giải quyết: Đề nghị giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính từ 25 ngày làm việc xuống còn 20 ngày làm việc.

- Lý do: Cơ sở hạ tầng vật chất, thiết bị đa phương tiện ngày càng hiện đại phục vụ thuận lợi cho thời gian giải quyết TTHC; trình độ năng lực của cán bộ công chức ngày càng nâng cao, cắt giảm thời gian giải quyết TTHC nhằm khuyến khích cán bộ công chức phát huy hiệu quả, thời gian, tiến độ giải quyết TTHC nhanh chóng kịp thời phục vụ tốt quá trình giải quyết TTHC theo quy định.

4.2. Kiến nghị thực thi

- Đề nghị sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 7 Nghị định 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.

4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết TTHC trước khi đơn giản hóa: 05 ngày làm việc/lần thực hiện TTHC.

Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 9.400.000 đồng/ 1 thủ tục

Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 7.520.000 đồng/ 1 thủ tục

Chi phí tiết kiệm: 1.880.000 đồng/ 1 thủ tục.

Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20 %.

5. Thẩm định số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp tỉnh

5.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC NB, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC NB)

Quy định cụ thể về số lượng hồ sơ; điều chỉnh các biểu mẫu tổng hợp phù hợp với yêu cầu thẩm định.

- **Lý do:** để thống nhất số lượng, mẫu biểu và tạo thuận lợi trong việc thống kê của cơ quan thẩm định; đảm bảo đầy đủ thông tin để thẩm định đúng quy định, tình hình thực tế của đơn vị

5.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 10 Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026

5.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

Đảm bảo thủ tục được thực hiện theo hướng công khai, thuận tiện cho cá nhân, tổ chức thực hiện TTHC, minh bạch đối với cơ quan tham mưu, cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC.

6. Thủ tục Thẩm định điều chỉnh số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp tỉnh

6.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC NB, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC NB)

- Đề nghị bổ sung quy định về thời hạn giải quyết TTHC .

Lý do: TTHC chưa quy định thời gian giải quyết

6.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 11 Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026.

6.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

Để đảm bảo thủ tục được thực hiện theo hướng công khai, thuận tiện cho cá nhân, tổ chức thực hiện TTHC, minh bạch đối với cơ quan tham mưu, cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC.

7. Thủ tục Miễn nhiệm đối với công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý

7.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC NB, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC NB)

- Bổ sung quy định cụ thể các tài liệu liên quan (đối với miễn nhiệm viên chức lãnh đạo quản lý)

- Bổ sung quy định về số lượng hồ sơ.

7.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 54 Nghị định số 170/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

- Sửa đổi Điều 54, Điều 55 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên

chức, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026.

7.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

Tạo được sự thống nhất trong việc thực hiện công tác cán bộ tại các cơ quan, đơn vị.

8. Thủ tục Từ chức đối với công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý

8.1. Nội dung đơn giản hóa

- Quy định các mẫu đơn, mẫu tờ trình của cơ quan, bộ phận tham mưu về tổ chức, cán bộ;

- Quy định cụ thể các tài liệu liên quan.

- Bổ sung quy định về số lượng hồ sơ.

8.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 52 Nghị định số 170/2025/NĐ-CP và Điều 54 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung tại khoản 31 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP).

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026.

8.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

Tạo được sự thống nhất trong việc thực hiện công tác cán bộ tại các cơ quan, đơn vị.

D. Lĩnh vực thi đua khen thưởng

1. Thủ tục tặng cờ thi đua của Bộ, ban, ngành, tỉnh

1.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Bổ sung cách thức thực hiện: Gửi hồ sơ trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp về Sở Nội vụ.

Lý do: thực hiện theo quy định về gửi nhận văn bản điện tử và xử lý công việc trên môi trường điện tử trong hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước.

1.2. Kiến nghị thực thi:

- Bổ sung quy định về cách thức thực hiện tại Điều 34 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ. quy định chi tiết thi hành một số điều của luật thi đua, khen thưởng

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 9.000.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 7.800.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 1.200.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,33%.

2. Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh

2.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Bổ sung cách thức thực hiện: Gửi hồ sơ trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp về Sở Nội vụ.

Lý do: thực hiện theo quy định về gửi nhận văn bản điện tử và xử lý công việc trên môi trường điện tử trong hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước.

2.2. Kiến nghị thực thi:

Bổ sung quy định về trình tự thực hiện, cách thức thực hiện vào Điều 43 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật thi đua, khen thưởng.

- Lộ trình thực hiện: Đến 2026- 2027.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 10.000.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 7.800.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 2.200.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 22 %

3. Thủ tục tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua Bộ, ban, ngành, tỉnh

3.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Bổ sung cách thức thực hiện: Gửi hồ sơ trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp về Sở Nội vụ.

Lý do: thực hiện theo quy định về gửi nhận văn bản điện tử và xử lý công việc trên môi trường điện tử trong hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước

3.2. Kiến nghị thực thi:

- Bổ sung quy định về trình tự thực hiện, cách thức thực hiện vào khoản 4, khoản 5 Điều 34 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật thi đua, khen thưởng.

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 11.000.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 9.200.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.800.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 16,36%.

4. Thủ tục tặng danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc

4.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Bổ sung cách thức thực hiện: Gửi hồ sơ trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp về Sở Nội vụ.

Lý do: thực hiện theo quy định về gửi nhận văn bản điện tử và xử lý công việc trên môi trường điện tử trong hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước.

4.2. Kiến nghị thực thi:

- Bổ sung quy định về cách thức thực hiện vào Điều 34 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật thi đua, khen thưởng.

4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 10.000.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 7.000.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 3.000.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%.

5. Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh theo chuyên đề

5.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Bổ sung cách thức thực hiện: Gửi hồ sơ trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp về Sở Nội vụ.

Lý do: thực hiện theo quy định về gửi nhận văn bản điện tử và xử lý công việc trên môi trường điện tử trong hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước.

5.2. Kiến nghị thực thi:

Bổ sung cách thức thực hiện vào Điều 43 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật thi đua, khen thưởng.

5.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 10.000.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 8.600.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.400.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 14%.

6. Thủ tục tặng Cờ thi đua của Bộ, ban, ngành, tỉnh theo chuyên đề

6.1. Nội dung đơn giản hóa

a) **Bổ sung cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp về Sở Nội vụ.

Lý do: thực hiện theo quy định về gửi nhận văn bản điện tử và xử lý công việc trên môi trường điện tử trong hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước.

6.2. Kiến nghị thực thi:

Bổ sung cách thức thực hiện vào Điều 43 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật thi đua, khen thưởng.

6.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15.000.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 13.800.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.200.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 8%.

7. Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh về thành tích đột xuất

7.1. Nội dung đơn giản hóa

a) **Bổ sung cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp về Sở Nội vụ.

Lý do: thực hiện theo quy định về gửi nhận văn bản điện tử và xử lý công việc trên môi trường điện tử trong hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước. Để đảm bảo thủ tục được thực hiện theo hướng công khai, thuận tiện cho cá nhân, tổ chức thực hiện TTHC, giảm chi phí đi lại cho các đơn vị ở xa không thể nộp hồ sơ trực tiếp.

b) **Bổ sung trình tự thực hiện:**

Lý do: Việc quy định rõ trình tự thực hiện giúp cho việc thực hiện TTHC trở lên minh bạch hơn, giúp cho các cơ quan chủ động trong việc thực hiện TTHC.

7.2. Kiến nghị thực thi:

- Bổ sung quy định về trình tự thực hiện, cách thức thực hiện vào khoản 3 Điều 40 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Đến 3/2027.

7.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 8.000.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 6.800.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.200.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 15%.

IX. Thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Xây dựng

1. Thủ tục: Quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở công vụ thuộc địa phương quản lý

1.1. Nội dung đơn giản hóa

- Giảm thời gian thực hiện từ 10 ngày làm việc xuống còn 7 ngày làm việc.

- Lý do: Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, phục vụ người dân và doanh nghiệp tốt hơn, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính và chuyển đổi số.

1.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 26 Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở;

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí thực hiện TTHC NB trước khi đơn giản hóa: 3.600.000 đồng/năm
- Chi phí thực hiện TTHC NB sau khi đơn giản hóa: 2.520.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.080.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30 %.

2. Thủ tục: Quyết định đầu tư và quyết định chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở công vụ thuộc địa phương quản lý.

2.1. Nội dung đơn giản hóa

- Giảm thời gian thực hiện từ 15 ngày làm việc xuống còn 10 ngày làm việc.

- Lý do: Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, phục vụ người dân và doanh nghiệp tốt hơn, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính và chuyển đổi số.

2.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 27 Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở;

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí thực hiện TTHC NB trước khi đơn giản hóa: 5.400.000 đồng/năm
- Chi phí thực hiện TTHC NB sau khi đơn giản hóa: 3.600.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.800.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33 %.

3. Thủ tục: Đề nghị quyết định chủ trương đầu tư dự án mua nhà ở thương mại làm nhà ở công vụ thuộc địa phương quản lý

3.1. Nội dung đơn giản hóa

- Giảm thời gian thực hiện từ 15 ngày làm việc xuống còn 10 ngày làm việc.

- Lý do: Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, phục vụ người dân và doanh nghiệp tốt hơn, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính và chuyển đổi số.

3.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 28 Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở;

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí thực hiện TTHC NB trước khi đơn giản hóa: 5.400.000 đồng/năm

- Chi phí thực hiện TTHC NB sau khi đơn giản hóa: 3.600.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 1.800.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33 %.

4. Thủ tục: Quyết định đầu tư dự án mua nhà ở thương mại làm nhà ở công vụ thuộc địa phương quản lý

4.1. Nội dung đơn giản hóa

- Giảm thời gian thực hiện từ 30 ngày làm việc xuống còn 21 ngày làm việc.

- Lý do: **Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, phục vụ người dân và doanh nghiệp tốt hơn, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính và chuyển đổi số.**

4.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 29 Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở;

4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí thực hiện TTHC NB trước khi đơn giản hóa: 10.800.000 đồng/năm

- Chi phí thực hiện TTHC NB sau khi đơn giản hóa: 7.56.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 3.240.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30 %.

5. Thủ tục: Thuê nhà ở thương mại làm nhà ở công vụ thuộc địa phương quản lý

5.1. Nội dung đơn giản hóa

- Giảm thời gian thực hiện từ 20 ngày làm việc xuống còn 14 ngày làm việc.

- Lý do: Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, phục vụ người dân và doanh nghiệp tốt hơn, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính và chuyển đổi số.

5.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 33 Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở;

5.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí thực hiện TTHC NB trước khi đơn giản hóa: 7.200.000 đồng/năm

- Chi phí thực hiện TTHC NB sau khi đơn giản hóa: 5.040.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 2.160.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30 %.

6. Thủ tục: Đặt hàng mua nhà ở thương mại để làm nhà ở phục vụ tái định cư

6.1. Nội dung đơn giản hóa

- Giảm thời gian thực hiện từ 45 ngày làm việc xuống còn 31 ngày làm việc.

- Lý do: Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, phục vụ người dân và doanh nghiệp tốt hơn, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính và chuyển đổi số.

6.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 36 Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở;

6.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí thực hiện TTHC NB trước khi đơn giản hóa: 16.200.000 đồng/năm

- Chi phí thực hiện TTHC NB sau khi đơn giản hóa: 11.160.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 5.040.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 31 %.

7. Thủ tục: Mua nhà ở thương mại để làm nhà ở phục vụ tái định cư

7.1. Nội dung đơn giản hóa

- Giảm thời gian thực hiện từ 45 ngày làm việc xuống còn 31 ngày làm việc.

- Lý do: **Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, phục vụ người dân và doanh nghiệp tốt hơn, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính và chuyển đổi số.**

7.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 37 Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở;

7.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí thực hiện TTHC NB trước khi đơn giản hóa: 16.200.000 đồng/năm

- Chi phí thực hiện TTHC NB sau khi đơn giản hóa: 11.160.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 5.040.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 31 %.

8. Thủ tục: Chuyển đổi công năng nhà ở thuộc tài sản công

8.1. Nội dung đơn giản hóa

- Giảm thời gian thực hiện từ 30 ngày làm việc xuống còn 21 ngày làm việc.

- Lý do: **Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, phục vụ người dân và doanh nghiệp tốt hơn, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính và chuyển đổi số.**

8.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 51 Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở;

8.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí thực hiện TTHC NB trước khi đơn giản hóa: 10.800.000 đồng/năm

- Chi phí thực hiện TTHC NB sau khi đơn giản hóa: 7.560.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 3.240.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33 %.

9. Thủ tục: Chấp thuận nhà đầu tư dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư đối với trường hợp có 01 nhà đầu tư quan tâm đáp ứng điều kiện theo quy định của Chính phủ

9.1. Nội dung đơn giản hóa

- Giảm thời gian thực hiện từ 15 ngày làm việc xuống còn 10 ngày làm việc.

- Lý do: Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, phục vụ người dân và doanh nghiệp tốt hơn, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính và chuyển đổi số.

9.2. Kiến nghị thực thi

- Luật nhà ở năm 2023;

9.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí thực hiện TTHC NB trước khi đơn giản hóa: 5.400.000 đồng/năm

- Chi phí thực hiện TTHC NB sau khi đơn giản hóa: 3.600.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 1.800.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33 %.

10. Thủ tục: Thu hồi nhà ở thuộc tài sản công

10.1. Nội dung đơn giản hóa

- Giảm thời gian thực hiện từ 60 ngày làm việc xuống còn 42 ngày làm việc.

- Lý do: **Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, phục vụ người dân và doanh nghiệp tốt hơn, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính và chuyển đổi số.**

10.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 78 Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở;

10.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí thực hiện TTHC NB trước khi đơn giản hóa: 21.600.000 không phải nhà chung cư, 10.800.000 đối với nhà chung cư đồng/năm.

- Chi phí thực hiện TTHC NB sau khi đơn giản hóa: 15.120.000 không phải nhà chung cư, 7.560.000 phải nhà chung cư đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 6.480.000 không phải nhà chung cư, 3.240.000 phải nhà chung cư đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30 %.

11. Thủ tục: Cường chế thu hồi nhà ở thuộc tài sản công

11.1. Nội dung đơn giản hóa

- Giảm thời gian thực hiện từ 20 ngày làm việc xuống còn 14 ngày làm việc.

- Lý do: **Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, phục vụ người dân và doanh nghiệp tốt hơn, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính và chuyển đổi số.**

11.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 79 Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở;

11.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí thực hiện TTHC NB trước khi đơn giản hóa: 7.200.000 đồng/năm

- Chi phí thực hiện TTHC NB sau khi đơn giản hóa: 5.040.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 2.160.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30 %.

12. Thủ tục: Phê duyệt Đề án hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo

12.1. Nội dung đơn giản hóa

- Giảm thời gian thực hiện từ 15 ngày làm việc xuống còn 10 ngày làm việc.

- Lý do: **Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, phục vụ người dân và doanh nghiệp tốt hơn, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính và chuyển đổi số.**

12.2. Kiến nghị thực thi

- Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định 02/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025;

12.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí thực hiện TTHC NB trước khi đơn giản hóa: 5.400.000 đồng/năm

- Chi phí thực hiện TTHC NB sau khi đơn giản hóa: 3.600.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 1.800.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33 %.

